



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Địa chỉ: 2A Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Số điện thoại: 0292 381 0188

Website: www.ctn-cantho.com.vn

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2024**

MỤC LỤC



01

Thông tin chung

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Những sự kiện nổi bật
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo liên quan về tác động của môi trường và xã hội của Công ty

03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04

Đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

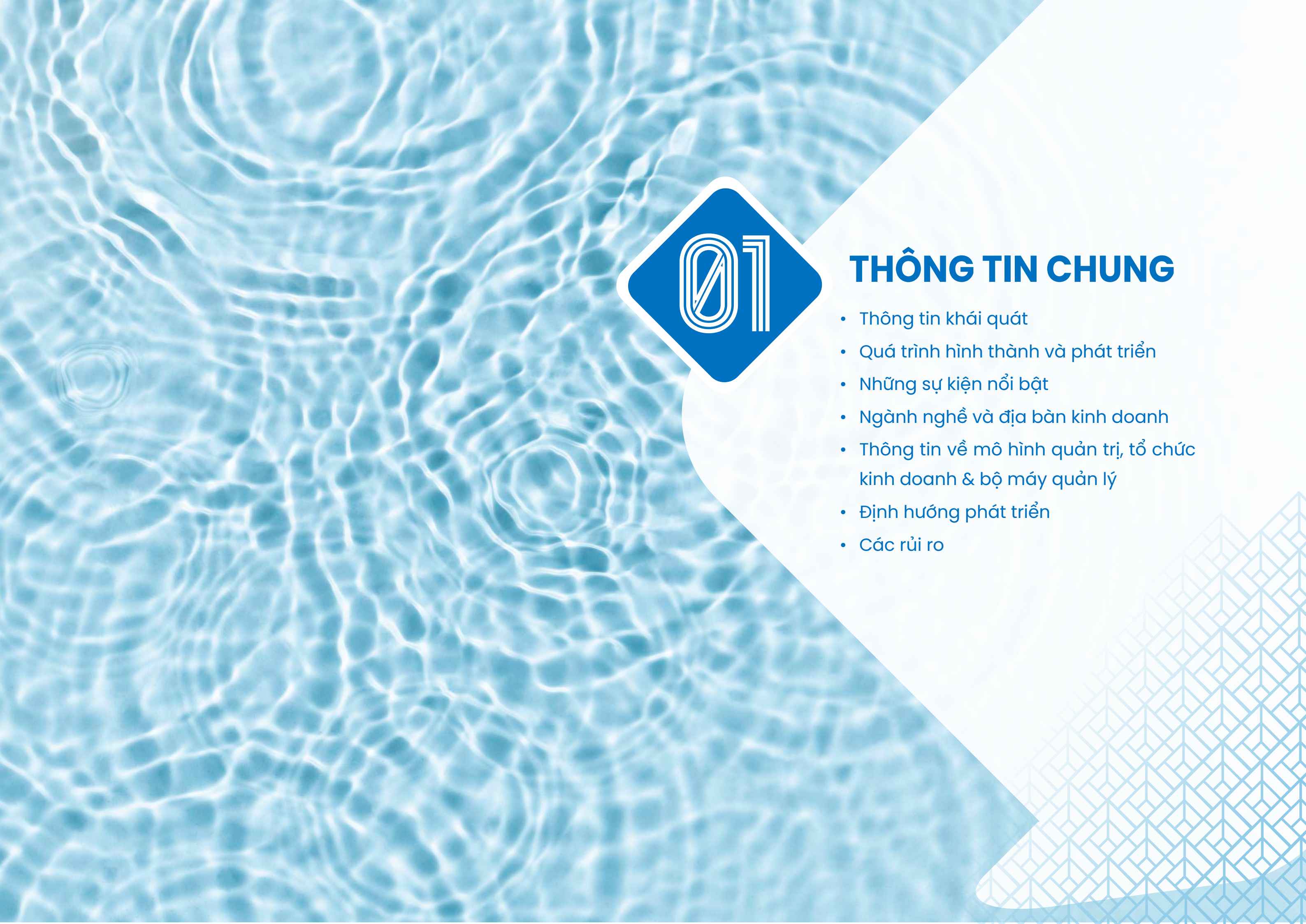
Quản trị công ty

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

06

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính kiểm toán



01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Những sự kiện nổi bật
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh & bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
Tên tiếng anh	Cantho Water Supply – Sewerage Joint Stock Company
Tên viết tắt	CANTHOWASSCO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Số 1800155244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 28/06/2004 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/07/2022.
Vốn điều lệ	280.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	280.000.000.000 đồng
Địa chỉ	2A Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
Số điện thoại	0292 381 0188
Số fax	0292 381 0188
Website	ctn-cantho.com.vn
Mã cổ phiếu	CTW





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

09/04/1927

Chính quyền tỉnh Cần Thơ và công ty Điện nước Đông Dương (S.C.E.E-Pháp) đã ký Thỏa ước giao cho Công ty S.C.E.E Quyền đầu tư và khai thác Nhà máy nước Cần Thơ.

1931

Nhà máy xử lý nước hoàn chỉnh đầu tiên tại Công ty được đưa vào khai thác.

13/03/1957

Nhà máy nước thứ 2 hoạt động với công suất ban đầu là 3.700 m³/ngày.

1965

Công quản nhà máy nước Cần thơ được thành lập.

1972

Công quản Nhà máy nước được đổi tên thành Công ty Cấp thủy Cần Thơ.

1973

Công ty Cấp Thủy Cần Thơ đổi tên thành Trung tâm Cấp thủy Cần Thơ.

20/09/1973

Khánh thành Nhà máy nước Cần Thơ (CT1) công suất 30.000 m³/ngày.

1975 – 1986

Công ty chuyển đổi 5 cơ quan chủ quản.

1991

Công ty bàn giao Xí nghiệp Cấp nước Sóc Trăng do tách tỉnh Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng.

1998

Đưa vào sử dụng NMN Cần Thơ 2, công suất 40.000 m³/ngày.

2002

Công ty tiếp nhận bộ phận thoát nước và đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ theo Quyết định số 2690/QĐ-CT.UB ngày 12/09/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ.

28/06/2004

Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 1924/QĐ - CT.UB thông qua chuyển đổi thành Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

2008

Công ty xây dựng Nhà máy nước Ba Láng, Q.Cái Răng, Tp.Cần Thơ. Đến năm 2012, Công ty thoái vốn và tư nhân hóa CTCP Cấp nước Cái Răng. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng thêm nhà máy nước (NMN) Hưng Phú. Bên cạnh đó thực hiện nâng công suất của các NMN: NMN Thốt Nốt, NMN Vĩnh Thạnh, NMN Cần Thơ 1.

29/10/2012

Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ. Khởi đầu với các Nhà máy nước có tổng công suất 121.940 m³/ngày, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con.

01/07/2014

Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2 đã hoàn tất cổ phần hóa và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, phần vốn tại CTCP Cấp nước Cần Thơ 2 đã chuyển về UBND Tp. Cần Thơ quản lý và chính thức tách ra khỏi Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.

20/05/2015

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ đã tổ chức thành công cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu bên ngoài tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 10.000 cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 15.200 đồng/cổ phần.

25/06/2015

Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

01/07/2015

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155244 đăng ký thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, với mức vốn điều lệ là 280.000.000.000 đồng.

16/09/2015

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ công ty đại chúng.

23/02/2016

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký là 28.000.000 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu và cấp mã chứng khoán Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ là CTW.

2017

Công ty hợp nhất 02 công ty con là CTCP Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn thành CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

2018

Công ty nâng công suất NMN Bông Vang từ 2.500 m³/ngày đêm lên 10.000 m³/ngày đêm.

2019

UBND Tp. Cần Thơ đã thoái vốn Nhà nước tại Công ty, giảm tỷ lệ sở hữu từ 64% xuống còn 51%.





- 1

GIẤY KHEN HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NGHĨA VỤ NỘP THUẾ NĂM 2023
- 2

CÔNG NHẬN ĐIỂN HÌNH VỀ PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC NĂM 2024
- 3

CÔNG TY NHẬN CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ VÌ ĐÃ HOÀN THÀNH XUẤT SẮC, TOÀN DIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC, DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC NĂM 2023 CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hiện nay, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước sinh hoạt
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Lắp đặt, chuyển nhượng vật tư, công trình xây dựng

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Chi nhánh/ Công ty	Địa bàn kinh doanh	Số điện thoại	Ghi chú
CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ	• Quận Ninh Kiều (6/8 phường): phường An Bình, An Khánh, Hưng Lợi, Tân An, Xuân Khánh, phần lớn phường Thới Bình.	0292 3810 188	Doanh nghiệp chủ quản
	• Quận Cái Răng (04/07 phường): phường Hưng Phú, Hưng Thạnh, Tân Phú và Phú Thứ.		
	• Huyện Phong Điền: Thị trấn Phong Điền, xã Mỹ Khánh, xã Tân Thới, xã Nhơn Nghĩa và các vùng lân cận thuộc huyện Phong Điền.		
CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn	• KCN Trà Nóc 1 và 2, phường Trà Nóc, phường Thới An Đông – Q. Bình Thủy.	0292 3843 392	Công ty con
	• Phường Châu Văn Liêm, một phần các phường Thới Hòa, phường Phước Thới, phường Long Hưng, phường Thới Long – quận Ô Môn.		
	• Thị trấn Thới Lai, một phần các xã Định Môn, xã Thới Thạnh, xã Tân Thạnh, xã Đông Bình, xã Xuân Thắng – huyện Thới Lai.		
CTCP Cấp nước Thốt Nốt	• Thị Trấn Cờ Đỏ, một phần các xã Thạnh Phú, Thới Xuân – huyện Cờ Đỏ.	0292 3851 354	Công ty con
Chi nhánh Cấp nước số 1	• Một số phường của quận Thốt Nốt và một số xã, thị trấn của huyện Vĩnh Thạnh.	0292 3839 946	Chi nhánh
Chi nhánh Cấp nước An Bình	• 55 Trần Văn Hoài, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	0292 3914 757	Chi nhánh
Chi nhánh Cấp nước Hưng Phú	• 302 – 304 ABI KDC Hồng Phát, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	0292 3837 565 – 0292 3736 232	Chi nhánh
Chi nhánh Cấp nước Bông Vang	• 52A2 Bùi Quang Trinh, Khu dân cư Phú An, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Tp.Cần Thơ	0292 3933 329	Chi nhánh + Nhà máy
Nhà máy nước Cần Thơ 1	• Số 17, ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, Tp.Cần Thơ	0292 3738 447	Nhà máy
Nhà máy nước Hưng Phú	• 298 đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	0292 3943 180	Nhà máy

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH,

BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

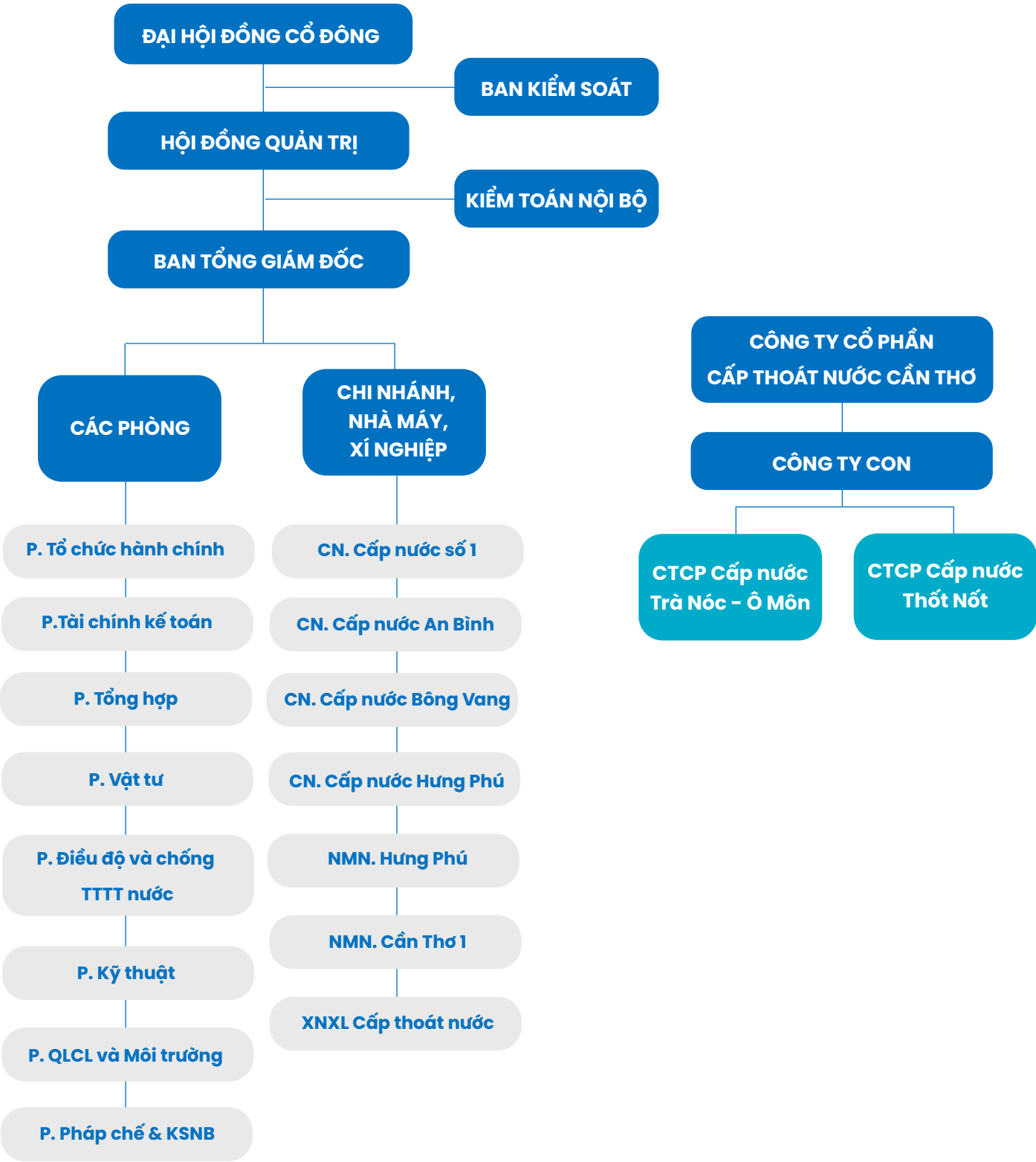
Mô hình quản trị của CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ được tổ chức, quản lý và hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn	Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, Q.Ô Môn, Tp.Cần Thơ, Việt Nam.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	79.781.500.000 đồng	65,42%
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Số 392, Quốc lộ 91, P.Long Thạnh A, Q. Thốt Nốt, Tp.Cần Thơ, Việt Nam.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	34.500.710.000 đồng	85,81%
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (Cần Thơ) (Hiện công ty đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế)	Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ, Việt Nam.	Sản xuất, kinh doanh ống uPVC, phụ kiện HDPE phục vụ ngành Cấp thoát nước	10.000.000.000 đồng	30,00%

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1 CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Đảm bảo sản xuất và cung cấp nguồn nước sạch, an toàn cho cộng đồng vẫn là mục tiêu cốt lõi của CTW trong năm 2024. Điều này bao gồm tối ưu hóa hiệu suất hệ thống cấp nước, nâng cao chất lượng nước, đồng thời duy trì một hệ thống phân phối linh hoạt để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dân.

Các mục tiêu chính trong năm 2024 gồm:

- Sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức và điều chỉnh nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp. Tìm kiếm, tuyển dụng nhân sự có trình độ nhằm từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh đào tạo chuyên môn, tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật và người lao động để họ làm chủ các trang thiết bị công nghệ hiện đại, đáp ứng tốc độ phát triển của công ty trong giai đoạn mới.
- Xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn, giảm thất thoát nước và nâng cao hệ thống quản lý chất lượng nước để cung cấp nguồn nước sạch, an toàn nhất đến người tiêu dùng. Bên cạnh đó, công ty cũng chú trọng đến xử lý nước thải nhằm giảm tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời đảm bảo tái sử dụng nước hiệu quả, góp phần bảo vệ tài nguyên nước phục vụ cộng đồng một cách bền vững.
- Tăng cường phát triển dịch vụ chăm sóc khách hàng, theo dõi sát nhu cầu thực tế để nâng cao chất lượng dịch vụ. Mở rộng phạm vi cung cấp nước sạch đến các khu đô thị, khu dân cư mới, các huyện. Triển khai hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tại quận Ninh Kiều và Bình Thủy, đồng thời tìm kiếm thêm khách hàng ở các quận, huyện khác.
- Cuối cùng, công ty đặt trọng tâm vào phát triển công nghệ và nghiên cứu nhằm không ngừng cải thiện hiệu suất hoạt động, đồng thời giảm tác động môi trường trong lĩnh vực cấp thoát nước. Tiếp tục đầu tư chiều sâu vào các ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất để giảm thiểu chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và nâng cao đời sống người dân, đồng thời gia tăng hiệu quả hoạt động của công ty.

2 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ thiết lập các chiến lược phát triển chi tiết và linh hoạt để duy trì hoạt động kinh doanh ổn định:
- Tận dụng những thế mạnh sẵn có, bao gồm kinh nghiệm, mối quan hệ với khách hàng hiện hữu và tiềm năng mở rộng tệp khách hàng mới, cùng với lợi thế cạnh tranh, Công ty hướng đến mở rộng thị trường. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng cung cấp nước sạch hiện có, Công ty cần tập trung nghiên cứu để phát triển thêm các loại hình sản phẩm và dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa hoạt động kinh doanh.

- Về dài hạn, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung trên địa bàn Thành phố và các Quận, Huyện sẽ tiếp tục gia tăng, kéo theo sự mở rộng của các dịch vụ thoát nước để đáp ứng sự phát triển của xã hội. Trước bối cảnh này, Công ty khai thác tối đa những lợi thế và tận dụng các cơ hội thuận lợi để mở rộng sự hiện diện trên thị trường, gia tăng thị phần, doanh thu và lợi nhuận.
- Công ty phát huy thế mạnh trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm và dịch vụ cấp thoát nước, với hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại, phương tiện kỹ thuật phục vụ sản xuất, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cùng với bề dày kinh nghiệm và uy tín trong ngành. Bên cạnh đó, mạng lưới chi nhánh phục vụ khách hàng ngày càng phát triển cùng với khả năng duy trì và mở rộng quan hệ khách hàng giúp Công ty không chỉ giữ vững tệp khách hàng hiện có mà còn mở rộng thêm khách hàng mới. Để thực hiện mục tiêu này, Công ty sẽ đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xây dựng hình ảnh thương hiệu, triển khai các chương trình chăm sóc khách hàng, duy trì mối quan hệ với khách hàng truyền thống và tiếp cận khách hàng tiềm năng.
- Cuối cùng, Công ty tập trung củng cố nội lực bằng cách tái cấu trúc bộ máy tổ chức, sắp xếp nhân sự hợp lý, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ quản lý và người lao động. Đây sẽ là nền tảng vững chắc để Công ty triển khai hiệu quả chiến lược thâm nhập và phát triển thị trường trong tương lai.

01

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ cam kết phát triển bền vững, đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh không gây tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội. Trong công tác quản lý tài nguyên nước, Công ty đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ hiện đại, bao gồm hệ thống xử lý nước thải thân thiện với môi trường và các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong quá trình cung cấp và xử lý nước, nhằm tối ưu hóa chi phí trong khai thác và sản xuất nước sạch.

02

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng, khuyến khích việc sử dụng nước hiệu quả và đảm bảo chất lượng. Những nỗ lực này không chỉ góp phần xây dựng một môi trường sống và làm việc bền vững mà còn tạo ra giá trị lâu dài cho cả doanh nghiệp và cộng đồng.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CÁC RỦI RO

1 RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, nền kinh tế thế giới thế giới tăng trưởng khá ổn định dù chịu ảnh hưởng tiêu cực từ căng thẳng địa chính trị tại Ukraine và Trung Đông. Mỹ và Trung Quốc duy trì đà tăng trưởng, trong khi Eurozone đối mặt với nguy cơ suy thoái nhẹ do nhu cầu suy giảm. Thị trường tài chính biến động mạnh trước kỳ vọng cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ. Dù vậy, GDP Việt Nam 2024 vẫn ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá ấn tượng. Tính chung cả năm 2024, GDP Việt

Nam 2024 tăng 7,09% so với năm 2023. Việt Nam kiểm soát lạm phát hiệu quả với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,63% so với năm 2023. Mặt bằng lãi suất tiền gửi duy trì ổn định ở mức thấp, với lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng thương mại lớn dao động từ 5,25% đến 5,5% trong năm 2024. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu còn bất ổn, việc Việt Nam duy trì được tốc độ tăng trưởng trên 7% cho thấy năng lực cạnh tranh quốc gia đã được nâng cao đáng kể. Phân theo khu vực kinh tế, khu vực công

nh nghiệp và xây dựng có mức tăng trưởng cao nhất, khoảng 8,24% so với năm ngoái, đóng góp 45,17%; tiếp đến là khu vực dịch vụ tăng 7,38%; đóng góp 49,46%; còn lại là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%. Riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,7%.

Theo Cục Thống kê TP Cần Thơ, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2024 ước tính tăng 7,12% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng cao nhất trong 6 năm gần đây, ngoại trừ năm 2022 do phục hồi sau dịch. Năm 2025, TP. Cần Thơ đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt tối thiểu từ 9,5% trở lên.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ thiết yếu, do đó ít bị tác động bởi các biến động vĩ mô. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty vẫn luôn theo dõi sát sao diễn biến kinh tế, chủ động đánh giá các rủi ro tiềm ẩn và cơ hội tiềm năng để kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh. Điều này nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty trước những biến động của nền kinh tế.



2 RỦI RO PHÁP LUẬT

Là công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực khai thác và phân phối nước sạch, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ phải tuân thủ nhiều quy định pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường,... vốn thường xuyên được sửa đổi để phù hợp với thực tiễn.

Năm 2024, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 215/2024/QĐ-UBND điều chỉnh giá nước sạch, có hiệu lực từ ngày 01/02/2024. Đồng

thời, phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt và tiền dịch vụ môi trường rừng được tách riêng. Việc điều chỉnh này sẽ góp phần cải thiện lợi nhuận của Công ty trong các năm tiếp theo. Ngoài ra, trong năm 2024, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên nước một cách bền vững trên lãnh thổ Việt Nam có hiệu lực. Bộ luật này cũng đề cập đến việc điều hòa, phân phối, phát triển nguồn nước và các biện pháp phòng, chống, khắc phục tác hại do nước gây ra.

Để duy trì hoạt động kinh doanh ổn định và bền vững, Ban Lãnh đạo Công ty luôn phân công nhân sự theo dõi, cập nhật thường xuyên các thay đổi trong hệ thống pháp luật liên quan. Bên cạnh đó, Công ty tham gia, tổ chức các buổi thảo luận nội bộ nhằm đề xuất và điều chỉnh quy trình, quy định cho phù hợp với thực tế. Đồng thời, Công ty phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tư vấn và cơ quan quản lý nhà nước để nắm bắt kịp thời các cập nhật và bổ sung trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đảm bảo tuân thủ đầy đủ và hoạt động hiệu quả.



CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

3 RỦI RO THẤT THOÁT NƯỚC

Trong quá trình cung cấp nước cho khách hàng thông qua hệ thống đường ống ngầm, Công ty không thể tránh khỏi tình trạng thất thoát nước và vỡ đường ống. Nguyên nhân có thể do sự hao mòn và hư hỏng của đường ống sau thời gian dài sử dụng, chất lượng vật liệu ống, cũng như việc sử dụng nước không qua hệ thống đường ống. Ngoài ra, các công trình dân cư và công cộng trong quá trình thi công có thể vô tình ảnh hưởng đến hệ thống đường ống của Công ty. Việc phát hiện và sửa chữa đường ống gặp nhiều khó khăn do hệ thống nước ngầm nằm dưới các công trình xây dựng, dẫn đến chi phí khắc phục tăng cao.

4 RỦI RO VỀ CHẤT LƯỢNG NGUỒN NƯỚC

Hoạt động cấp và thoát nước của Công ty đang đối mặt với những tác động tiêu cực từ ô nhiễm rác thải, khiến nguồn nước sông bị biến đổi và quá trình xử lý nước trở nên phức tạp hơn. Điều này dẫn đến việc tăng chi phí cho nhân công, thiết bị và hóa chất để đảm bảo hiệu quả xử lý nước. Ngoài ra, việc xả rác bừa bãi vào hệ thống cống thoát nước gây tắc nghẽn, cản trở thoát nước mưa và đặt ra thách thức trong duy trì sự thông thoáng của hệ thống thoát nước đô thị.

Công ty chủ yếu khai thác nước từ sông Hậu, sông Cần Thơ và các nhánh khác, nhưng chất lượng nước đầu vào luôn biến động theo thời gian. Theo báo cáo hiện trạng môi trường của thành phố Cần Thơ, ô nhiễm nguồn nước ở

Công ty đã đầu tư vào việc cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước sạch theo nhu cầu của người dân, mở mới mạng lưới cấp nước phục vụ nhu cầu sử dụng nước theo kiến nghị của người dân và địa phương. Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao và giám sát chặt chẽ hoạt động vận hành để đảm bảo môi trường sống của cộng đồng luôn xanh - sạch - đẹp. Hệ thống công nghệ của Công ty cũng được bảo trì định kỳ để đảm bảo máy móc hoạt động ổn định và đạt hiệu suất tối ưu trong việc cung cấp nước sạch đến khách hàng.

Cần Thơ chủ yếu do việc xả thải không xử lý từ các khu công nghiệp và sinh hoạt. Thách thức lớn là cải thiện hệ thống xử lý nước thải và kiểm soát ô nhiễm từ các nguồn xả thải, nhằm bảo vệ tài nguyên nước và sức khỏe cộng đồng.

Để ứng phó, Công ty tiếp tục duy trì hệ thống giám sát trực tuyến chất lượng nước sông và nước sạch, cải tiến công nghệ lắng, lọc nhằm nâng cao hiệu suất xử lý nước. Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao và giám sát chặt chẽ hoạt động vận hành để đảm bảo môi trường sống của cộng đồng luôn xanh - sạch - đẹp. Hệ thống công nghệ của Công ty cũng được bảo trì định kỳ để đảm bảo máy móc hoạt động ổn định và đạt hiệu suất tối ưu trong việc cung cấp nước sạch đến khách hàng.

5 RỦI RO KHUNG GIÁ ĐẦU RA

Nước sạch sinh hoạt là mặt hàng thiết yếu có giá bán do Nhà nước quy định, cụ thể được Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt. Trong khi đó, chi phí sản xuất nước tại Công ty ngày càng tăng, nhưng việc điều chỉnh giá bán không kịp thời, gây áp lực tài chính lớn. Quy trình điều chỉnh giá yêu cầu lập hồ sơ và trình duyệt qua nhiều cấp, khiến cơ chế định giá thiếu linh hoạt. Bên cạnh đó, rủi ro thất thoát nước tiếp tục ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và khả năng duy trì lợi nhuận ổn định. Năm 2024, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt tại đô thị và nông thôn, với mức tăng tối đa 2,8%/năm. Dù giá bán đã được điều chỉnh, mức tăng này vẫn chưa đủ bù đắp chi phí đầu vào, chi phí đầu tư nâng công suất các nhà máy,... tiếp tục tạo áp lực cho hoạt động tài chính của Công ty.

Để ứng phó, Công ty không ngừng tìm kiếm các chiến lược kinh doanh hiệu quả nhằm giảm chi phí và duy trì mức lợi nhuận kỳ vọng. Công ty tập trung cải tiến công nghệ và quy trình xử lý nước sạch để nâng cao hiệu suất và

hạ thấp chi phí sản xuất. Việc ứng dụng công nghệ mới có thể giảm thiểu thất thoát nước và chi phí vận hành. Nhờ các biện pháp này, Công ty phần nào giảm được rủi ro từ quy định giá của Nhà nước, đồng thời mở ra cơ hội mới để phát triển bền vững và tăng trưởng.



6 RỦI RO KHÁC

Công ty phải đối mặt với nhiều rủi ro trong quá trình kinh doanh, bao gồm cả những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, sự cố cháy nổ, thay đổi khí hậu, thủy văn và nhiều yếu tố khác. Dù những sự kiện này không xảy ra thường xuyên, chúng có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty.

Để giảm thiểu tác động, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nhằm bảo vệ an toàn cho nhân viên và tài sản, đồng thời duy trì sự liên tục trong kinh doanh, hạn chế các tổn thất

không cần thiết. Các giải pháp bao gồm tuân thủ chặt chẽ các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn, thường xuyên kiểm tra thiết bị, theo dõi thông tin thời tiết và diễn biến xã hội. Bên cạnh đó, Công ty cũng tham gia đầy đủ các gói bảo hiểm cần thiết để bảo vệ lợi ích của chính mình, cổ đông, khách hàng và đối tác. Nhờ những biện pháp này, Công ty có thể ứng phó hiệu quả với các rủi ro, đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra ổn định và không bị gián đoạn.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
- Báo cáo liên quan về tác động của môi trường và xã hội của Công ty

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM (BCTC HỢP NHẤT)

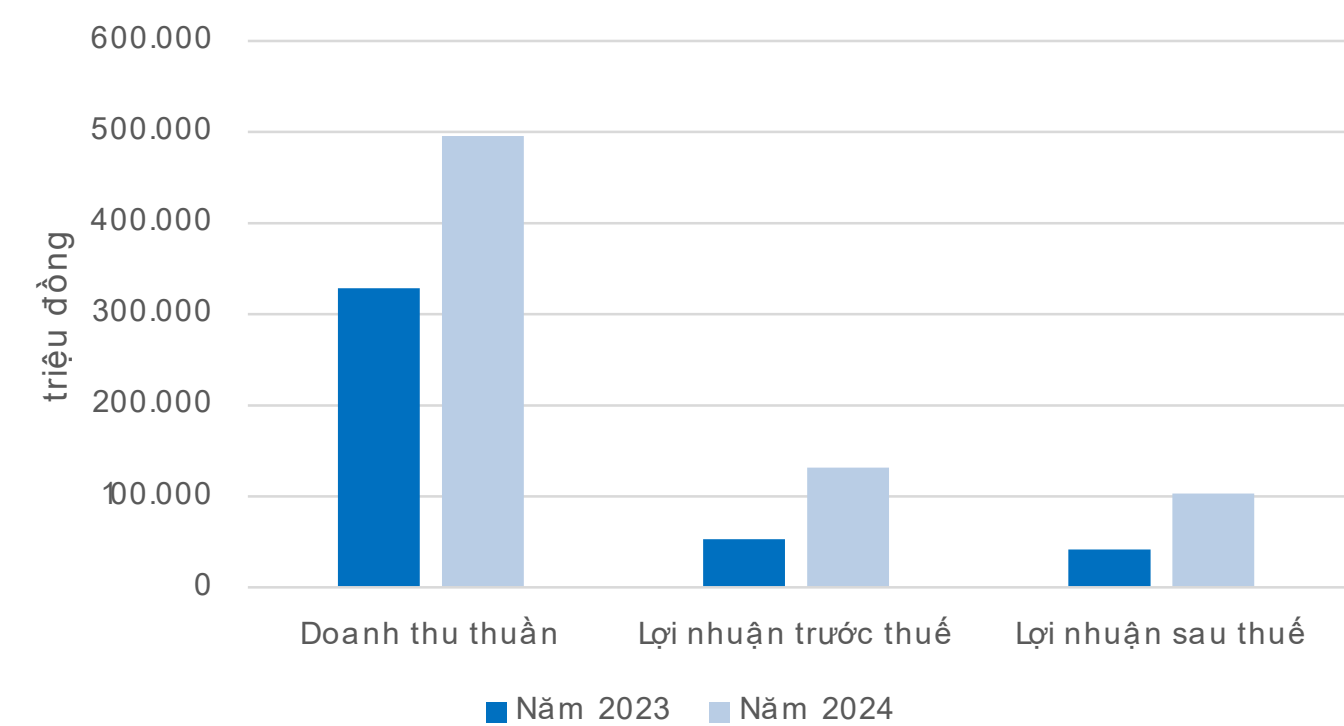
Công ty đã đạt được sự tăng trưởng ấn tượng về doanh thu thuần, với mức tăng 50,80%, từ 328.560 triệu đồng trong năm 2023 lên 495.576 triệu đồng trong năm 2024, mức tăng trưởng này là nhờ giá nước tăng từ ngày 01/02/2024. Đáng chú ý, lợi nhuận trước thuế tăng 147,30%, từ 53.221 triệu đồng lên 131.617 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế cũng ghi nhận mức tăng ấn tượng 148,83%, từ 41.533 triệu đồng lên 103.347 triệu đồng. Điều này phản ánh Công ty không chỉ tăng trưởng về doanh thu mà còn cải thiện đáng kể hiệu quả hoạt động, gia tăng sản lượng tiêu thụ và kiểm soát chi phí tốt.

Nhìn chung, Công ty đã có một năm 2024 thành công với sự tăng trưởng mạnh cả về doanh thu và lợi nhuận. Sự cải thiện đáng kể về khả năng sinh lời phản ánh chiến lược kinh doanh hiệu quả, quản lý chi phí hợp lý và khai thác tốt các cơ hội thị trường. Điều này giúp công ty củng cố vị thế tài chính, nâng cao khả năng cạnh tranh và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng giảm
Doanh thu thuần	328.560	495.576	50,80%
Lợi nhuận trước thuế	53.221	131.617	147,30%
Lợi nhuận sau thuế	41.533	103.347	148,83%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH (BCTC RIÊNG)

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện		So sánh (%)	
				2024	2023	KH 2024	2023
1	Sản lượng nước sạch	Triệu m³	26,50	26,84	25,94	101,28%	103,47%
2	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	335.251	356.198	238.304	106,25%	149,47%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	59.864	63.031	29.800	105,29%	211,51%
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12,5	14	12,7	+1,5	+1,3
5	Số hộ đấu nối mới	Hộ	2.570	2.796	2.386	108,79%	117,18%
6	Số lượng khách hàng	Hộ	78.067	78.375	75.867	100,39%	103,31%

(*) *Doanh thu = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác*

Dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự đồng lòng và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 356.198 triệu đồng và 63.031 triệu đồng, hoàn thành 106,25% và 105,29% kế hoạch. Chính sách điều chỉnh tăng giá nước từ 01/02/2024 đã góp phần vào sự tăng trưởng trong kết quả kinh doanh năm nay của Công ty. Tổng sản lượng nước tiêu thụ trong năm đạt 26,84 triệu m³, hoàn thành 101,28% kế hoạch và tăng 3,47% so với năm 2023. Số hộ đấu nối mới đạt 2.796 hộ, hoàn thành 108,79% kế hoạch và tăng 17,18% so với năm trước, phản ánh sự phát triển của mạng lưới cung cấp nước. Tổng số lượng khách hàng đạt 78.375 hộ, tăng 3,31% so với năm 2023, cho thấy sự mở rộng ổn định và bền vững trong hoạt động kinh doanh. Những kết quả này thể hiện năng lực điều hành hiệu quả của Công ty trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng phạm vi hoạt động và tối ưu hóa quy trình sản xuất.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT



Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu + UQ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	10.085.100	36,02%
2	Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	4.211.600	15,04%
3	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	–	–
4	Ông Trần Chiến Công (*)	Thành viên HĐQT	600	0,002%
5	Ông Trịnh Hữu Phúc	Thành viên HĐQT – Phó TGD	200	0,0007%

(*) Nộp đơn từ nhiệm ngày 14/02/2025, Công ty sẽ trình thông qua việc miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ gần nhất.

01

Ông Nguyễn Hữu Lộc – Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1964
Quê quán: Kiên Giang
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa chất, Cử nhân QTKD
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước Thốt Nốt
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 10.085.100, chiếm 36,02% vốn điều lệ

Đại diện vốn của UBND TP. Cần Thơ	10.080.000	cổ phiếu, chiếm 36,00% VDL
Cá nhân sở hữu	5.100	cổ phiếu, chiếm 0,02% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

02

Ông Nguyễn Tùng Nguyên – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 14/4/1972

Quê quán: Vĩnh Long

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.211.600 cổ phần, chiếm 15,04% vốn điều lệ

Đại diện vốn của UBND TP. Cần Thơ	4.200.000	cổ phiếu, chiếm 15,00% VDL
Cá nhân sở hữu	11.600	cổ phiếu, chiếm 0,04% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

03

Ông Nguyễn Văn Thiển – Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 1957

Quê quán: Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường, Kỹ sư Thủy lợi, Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Hành chính

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước Gia Tân
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Đồng Nai
- Thành viên HĐQT Tổng Công ty sản xuất – xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	Ông Nguyễn Văn Thiển là Chủ tịch HĐQT Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	6.900.000	24,64%

04

Ông Trần Chiến Công – Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 1978

Quê quán: Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Luật

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây lắp – Điện Biwase
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước Biwase Long An
- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2
- Đại diện phần góp vốn Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 600 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

Đại diện vốn	0	cổ phiếu, chiếm 0% VDL
Cá nhân sở hữu	600	cổ phiếu, chiếm 0,002% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	Ông Trần Chiến Công là Tổng Giám đốc Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	6.900.000	24,64%

05

Ông Trịnh Hữu Phúc – Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 1981

Quê quán: Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Cơ điện tử, Thạc sĩ QTKD

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần cá nhân nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 200 cổ phần, chiếm 0,0007% vốn điều lệ

Đại diện vốn	0	cổ phiếu, chiếm 0% VDL
Cá nhân sở hữu	200	cổ phiếu, chiếm 0,0007% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lâm Nguyệt Thanh	Trưởng BKS	5.300	0,019%
2	Bà Ngô Hồng Hạnh	Thành viên BKS	1.300	0,005%
3	Ông Mai Song Hào	Thành viên BKS	-	0,00%

01

Bà Lâm Nguyệt Thanh – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1976

Quê quán: Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.300, chiếm 0,02% vốn điều lệ

Đại diện vốn	0	cổ phiếu, chiếm 0% VDL
Cá nhân sở hữu	5.300	cổ phiếu, chiếm 0,02% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Ông Nguyễn Giang Thanh	Chồng	1.600	0,006%

02

Bà Ngô Hồng Hạnh – Thành viên BKS

Năm sinh: 1978

Quê quán: Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.300 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ

Đại diện vốn	0	cổ phiếu, chiếm 0% VDL
Cá nhân sở hữu	1.300	cổ phiếu, chiếm 0,005% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: không

03

Ông Mai Song Hào – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1981

Quê quán: Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ – Môi trường, Trung cấp Cấp thoát nước

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nước Bivase Bình Phước
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Quảng Bình
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Gia Tân
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp thoát nước Long An
- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Nước Bivase Cần Thơ
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2
- Phó Tổng Giám đốc Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	Ông Mai Song Hào là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	6.900.000	24,64%



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	4.211.600	15,04%
2	Ông Huỳnh Thiện Đình	Phó Tổng Giám đốc	6.900	0,025%
3	Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	1.300	0,005%
4	Ông Trịnh Hữu Phúc	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	200	0,0007%
5	Ông Diệp Tôn Kiên	Kế toán trưởng	–	0%

01 Ông Nguyễn Tùng Nguyên – Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc
(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty).

02 Ông Huỳnh Thiện Đình – Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967

Quê quán: Sóc Trăng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thốt Nốt

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 6.900 cổ phần, chiếm 0,025% vốn điều lệ

Đại diện vốn 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Cá nhân sở hữu 6.900 cổ phiếu, chiếm 0,025% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: không

03 Ông Nguyễn Minh Phương – Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974

Quê quán: Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.300 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Đại diện vốn 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Cá nhân sở hữu 1.300 cổ phiếu, chiếm 0,05% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Nguyễn Minh Hoàng	Em	800	0,003%
2	Trần Nguyễn Thị Kim Thoa	Em dâu	2.900	0,01%

04 Ông Trịnh Hữu Phúc – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty).

05 Ông Diệp Tôn Kiên – Kế toán trưởng

Năm sinh: 1984

Quê quán: Hồng Dân – Bạc Liêu

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tổng hợp

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

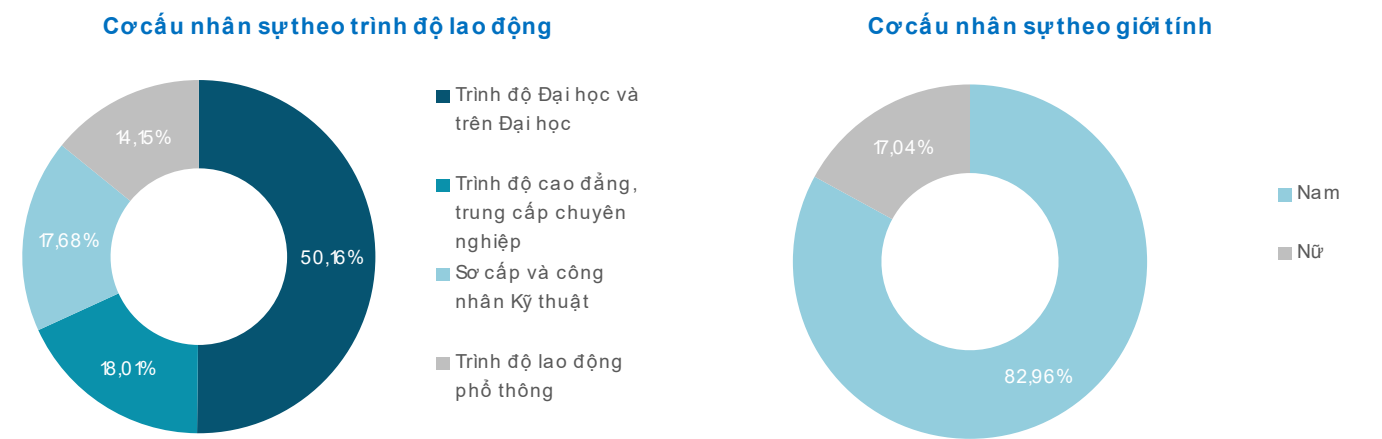
NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH 2024

Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

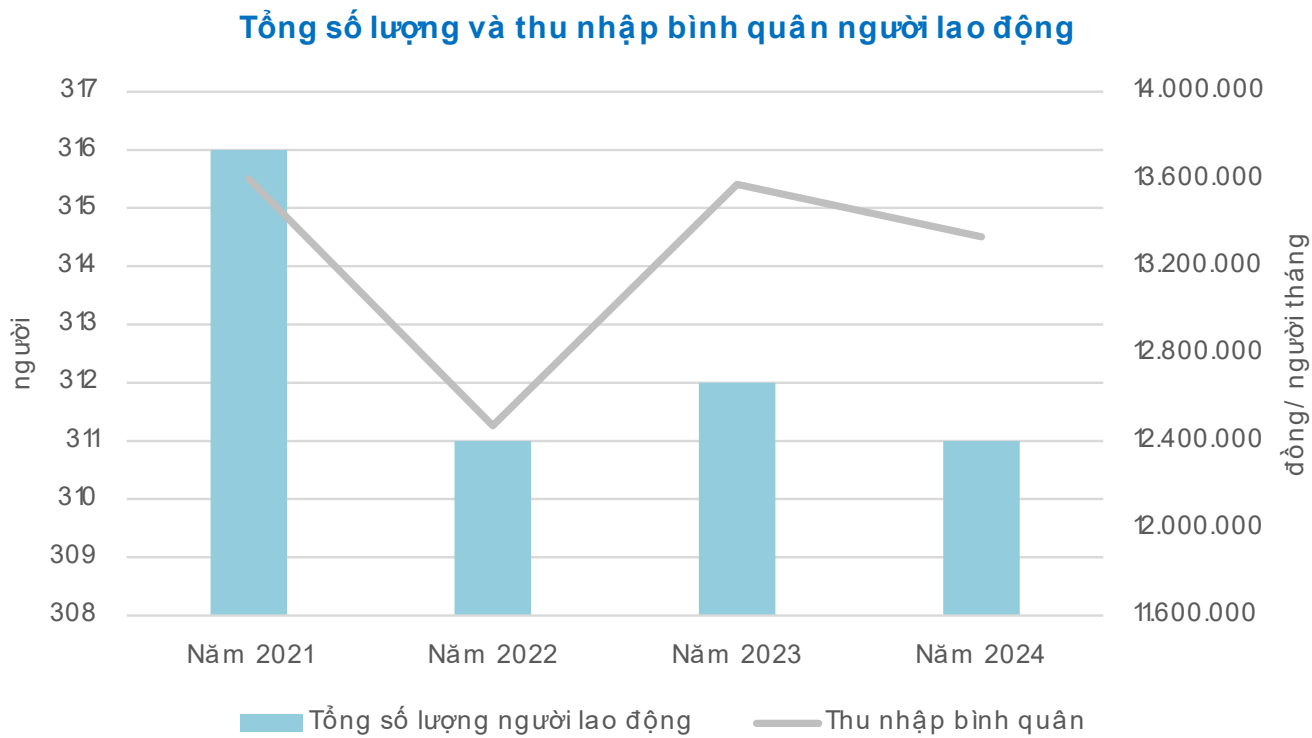
Cơ cấu nhân sự tính tại ngày 31/12/2024

STT	Tiêu chí	Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	312	100%	311	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	152	48,72%	156	50,16%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	59	18,91%	56	18,01%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	56	17,95%	55	17,68%
4	Trình độ lao động phổ thông	45	14,42%	44	14,15%
II	Theo giới tính	312	100%	311	100%
1	Nam	261	83,65%	258	82,96%
2	Nữ	51	16,35%	53	17,04%
Tổng cộng		312	100%	311	100%



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	316	311	312	311
Thu nhập bình quân (đồng/ người/tháng)	13.600.000	12.470.000	13.575.443	13.334.298





CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

1 VỀ ĐÀO TẠO



Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển bền vững. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh không ngừng mở rộng, việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân viên là nhiệm vụ ưu tiên nhằm

đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp với từng cấp bậc và chức danh, từ đội ngũ quản lý đến lao động trực tiếp. Nội dung đào tạo bao gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc, kinh nghiệm thực tiễn và cập nhật các quy trình công nghệ mới. Các hình thức đào tạo đa dạng như đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung và cử cán bộ tham gia các khóa học

tại các cơ sở đào tạo nghề có uy tín.

Bên cạnh chương trình đào tạo nội bộ, Công ty còn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các hội thảo chuyên ngành, hoạt động giao lưu và chia sẻ kinh nghiệm với các đơn vị cấp nước trong và ngoài khu vực. Những hoạt động này không chỉ giúp người lao động mở rộng kiến thức và tầm nhìn nghề nghiệp mà còn góp phần xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, chủ động và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

2 VỀ TUYỂN DỤNG



Trong ngành cấp thoát nước – lĩnh vực đòi hỏi cao về kỹ thuật, an toàn và chất lượng dịch vụ – công tác tuyển dụng đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực vận hành hệ thống. Nhận thức rõ điều đó, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ xây dựng chính sách tuyển dụng

minh bạch, dựa trên nguyên tắc đánh giá năng lực thực tế, chuyên môn và mức độ phù hợp với văn hóa doanh nghiệp.

Công ty chú trọng quy hoạch và tuyển chọn nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các vị trí trọng yếu trong quản lý, vận hành và phát triển hệ thống cấp – thoát nước. Đặc biệt, nhu cầu nhân sự được tập trung ở các chuyên ngành như cấp thoát nước, xử lý nước, kỹ thuật cơ khí, điện – điện tử, công nghệ thông tin, quản lý dự án và bảo trì hệ thống. Các ứng viên có trình độ chuyên môn tốt, kỹ năng tư duy sáng

tạo, khả năng giải quyết vấn đề linh hoạt, làm việc nhóm hiệu quả và giao tiếp tốt luôn được CTW ưu tiên lựa chọn và phát triển.

Bên cạnh chính sách tuyển dụng chặt chẽ, Công ty còn cam kết tạo dựng lộ trình nghề nghiệp rõ ràng cho người lao động. Thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng kỹ năng và tạo điều kiện tiếp cận công nghệ mới, CTW giúp đội ngũ nhân sự không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn và thích ứng nhanh với những yêu cầu thay đổi của ngành.

3 MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC



Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ luôn định hướng xây dựng một môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp và nhân văn – nơi mỗi cá nhân được trân trọng, khuyến khích phát triển toàn diện và gắn bó lâu dài với tổ chức. Công ty đề cao nguyên tắc bình đẳng,

tạo dựng không khí làm việc thân thiện, cởi mở, đồng thời khuyến khích tinh thần sáng tạo, chủ động và trách nhiệm trong công việc.

Không chỉ chú trọng đến chế độ đãi ngộ về vật chất, Công ty đặc biệt quan tâm đến sức khỏe thể chất và đời sống tinh thần của người lao động. Các chính sách bảo hiểm được thực hiện đầy đủ theo quy định, kết hợp với hoạt động khám sức khỏe định kỳ và hỗ trợ tài chính kịp thời trong các trường hợp ốm đau, thai sản hoặc hoàn cảnh khó khăn.

Đây là một phần trong cam kết của Công ty nhằm bảo vệ và chăm lo toàn diện cho người lao động.

Bên cạnh đó, các hoạt động văn hóa nội bộ như tham quan – du lịch, thể thao, giao lưu và chương trình gắn kết tập thể được tổ chức định kỳ hằng năm. Những hoạt động này không chỉ mang lại giá trị tinh thần, giúp nhân viên tái tạo năng lượng và cân bằng cuộc sống, mà còn góp phần thắt chặt mối quan hệ đồng nghiệp và nâng cao sự hài lòng, gắn bó trong công việc.

4 VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ



Nhằm thu hút, giữ chân nhân tài và ghi nhận những đóng góp của đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ luôn chú trọng xây dựng hệ thống lương, thưởng và phúc lợi hấp dẫn, cạnh tranh và công bằng.

Chính sách lương: Công ty cam kết chi trả đầy đủ và đúng hạn tiền lương cho toàn bộ người lao động, đảm bảo không xảy ra tình trạng chậm trễ hoặc sai sót. Chính sách

tiền lương được thiết kế trên cơ sở năng suất lao động và hiệu quả công việc thực tế của từng cá nhân. Thang bảng lương mới đã được áp dụng theo hướng gắn với kết quả đánh giá KPI, phản ánh đúng mức độ hoàn thành nhiệm vụ và đóng góp của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định pháp luật.

Chính sách thưởng: Chính sách thưởng được áp dụng rộng rãi, minh bạch và gắn liền với thành tích công việc. Các cá nhân có thành tích nổi bật hoặc đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ được xét khen

thưởng định kỳ hoặc đột xuất. Hình thức thưởng được thực hiện vào cuối năm và các dịp đặc biệt, là nguồn động viên thiết thực giúp khuyến khích người lao động không ngừng nỗ lực và phấn đấu.

Chính sách phúc lợi, đãi ngộ: Công ty luôn quan tâm sâu sắc đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên thông qua các chính sách phúc lợi cụ thể và nhân văn. Các hoạt động như thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, hỗ trợ khó khăn, tặng quà vào các dịp đặc biệt như Tết Nguyên đán, sinh nhật, cưới hỏi, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu... được tổ chức thường xuyên.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

1 CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt



Địa chỉ: 392 Long Thạnh A, QL91, Phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Công ty cổ phần Cấp nước Thốt Nốt quản lý **01 Nhà máy nước và 02 trạm cấp nước với tổng công suất thiết kế 16.200 m³/ngày đêm**. Trong đó:

- Nhà máy nước Thốt Nốt có công suất 12.500 m³/ngày đêm.
- Trạm cấp nước Thạnh An có công suất 1.200 m³/ngày đêm.
- Trạm cấp nước Vĩnh Thạnh có công suất 2.500 m³/ngày đêm.

Công ty có trách nhiệm cấp nước tại:

- Khu vực đô thị quận Thốt Nốt.
- Khu vực đô thị Thạnh An và thị trấn Vĩnh Thạnh.

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn



Địa chỉ: Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP.Cần Thơ.

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn quản lý **03 nhà máy nước, 01 trạm cấp nước với tổng công suất thiết kế 30.000 m³/ngày đêm**. Trong đó:

- Nhà máy nước Ô Môn có công suất 2.500 m³/ngày đêm.
- Nhà máy nước Trà Nóc có công suất 20.000 m³/ngày đêm.
- Nhà máy nước Cờ Đỏ có công suất 5.000 m³/ngày đêm.
- Trạm cấp nước Thới Lai có công suất 2.500 m³/ngày đêm.

Công ty trực tiếp quản lý địa bàn cấp nước sạch tại:

- KCN Trà Nóc 1 và 2, Phường Trà Nóc, Phường Thới An Đông – Q.Bình Thủy.
- P.Châu Văn Liêm, một phần các P.Thới Hòa, P.Phước Thới, P.Long Hưng, P.Thới Long – Q.Ô Môn
- Thị Trấn Thới Lai, Một phần các xã Định Môn, Thới Thạnh, Tân Thạnh, Đông Bình, Xuân Thắng – Huyện Thới Lai
- Thị Trấn Cờ Đỏ, một phần các xã Thạnh Phú, Thới Xuân – Huyện Cờ Đỏ.

2 CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ

Địa chỉ: Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Hiện công ty đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tổng kinh phí đầu tư dự kiến năm 2024 là 70,19 tỷ đồng. Trong năm 2024 giải ngân được 65,18 tỷ đồng, chủ yếu triển khai các công trình mở mạng và cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ nhu cầu sử dụng nước theo kiến nghị của người dân, địa phương và chỉ đạo của Lãnh đạo thành phố như: (1) Cải tạo MLCN D110 HDPE, cúp ống cũ KDC Cty 8; (2) Tuyến ống cấp nước D225 HDPE hai bên đường Hoàng Quốc Việt, cúp ống cũ, thực hiện chính sách đồng hồ; (3) Tuyến ống chuyển tải D400 HDPE – IC3 giai đoạn 1; (4) Tuyến ống D315 HDPE (đầu nối ống D400 QL1A cũ); (5) Cải tạo cụm 2.500 m³/ngày-đêm CNCN Bông Vang; (6) Các công trình cải tạo, MRML cấp nước năm 2024; (7) Tuyến ống cấp nước D.225, D.180, D.110 HDPE, Cúp ống cũ – Thực hiện chính sách đồng hồ (Giai đoạn 1) của 32 tuyến đường quận Ninh Kiều; (8) Tuyến ống chuyển tải D315 HDPE Quốc lộ 61C (đoạn từ đường nối cầu Vám Xáng đến cầu Ba Láng); (9) Tuyến ống chuyển tải D400 HDPE giai đoạn 1, đường Võ Nguyên Giáp (từ đường Vũ Đình Liệt đến cầu Cái Sâu), quận Cái Răng; (10) Các công trình chuyển tiếp năm 2023 nhằm cải tạo và mở rộng MLCN quận Ninh Kiều, quận Cái Răng và huyện Phong Điền,...





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bảng tổng hợp các công trình – hạng mục thực hiện trong năm 2024 như sau

ĐVT: đồng

STT	Tên công trình – hạng mục	Tổng dự toán	Giá trị thanh toán	Dự kiến thanh toán chuyển sang năm sau
I	Công trình chuyển tiếp năm trước	32.455.094.488	28.895.678.259	5.080.525.429
II	Công trình triển khai đầu tư trong năm	37.731.983.896	36.281.893.386	19.656.138.717
1	Mở rộng mạng lưới cấp nước huyện Phong Điền	9.500.000.000	8.210.077.371	3.758.958.618
2	Mở rộng mạng lưới cấp nước quận Cái Răng	2.000.000.000	1.272.336.536	–
3	Cải tạo Mạng lưới cấp nước quận Ninh Kiều	4.000.000.000	5.477.615.446	13.111.651.711
4	Ống chuyển tải lắp đặt mới	14.785.159.416	18.432.615.529	2.335.633.529
5	Cải tạo, sửa chữa văn phòng làm việc; nhà máy nước	2.922.165.103	2.817.472.136	449.894.860
6	Các công trình xây dựng cơ bản	3.324.659.377	71.776.368	–
7	Các công trình khác	1.000.000.000	–	–
8	Chuẩn bị đầu tư	200.000.000	–	–
Tổng cộng		70.187.078.385	65.177.571.645	24.736.664.147

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	723.791	810.865	12,03%
2	Doanh thu thuần	328.560	495.576	50,83%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	53.439	136.221	154,91%
4	Lợi nhuận khác	-218	-4.604	–
5	Lợi nhuận trước thuế	53.221	131.617	147,30%
6	Lợi nhuận sau thuế	41.533	103.347	148,83%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (trên vốn điều lệ)	6,6%	14% (*)	–

(*) Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2024 và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 sắp tới.

Tổng giá trị tài sản của công ty đạt 810.865 triệu đồng, tăng 12,03% so với mức 723.791 triệu đồng của năm 2023. Doanh thu thuần đạt 495.576 triệu đồng, tăng 50,83% so với năm trước, cho thấy nhu cầu sử dụng nước tiếp tục gia tăng và công ty đã tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh 154,91% từ 53.439 triệu đồng lên 136.221 triệu đồng, cho thấy công ty đã cải thiện đáng kể hiệu suất vận hành, tối ưu hóa chi phí và nâng cao biên lợi nhuận. Tuy nhiên, lợi nhuận khác ghi nhận mức âm -4.604 triệu đồng, giảm sâu so với -278 triệu đồng của năm 2023. Ngoài ra, lợi nhuận trước thuế đạt 131.617 triệu đồng, tăng 147,30%, trong khi lợi nhuận sau thuế tăng 148,83%, từ 41.533 triệu đồng lên 103.347 triệu đồng. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy công ty không chỉ mở rộng doanh thu mà còn kiểm soát tốt chi phí và nâng cao hiệu quả tài chính.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

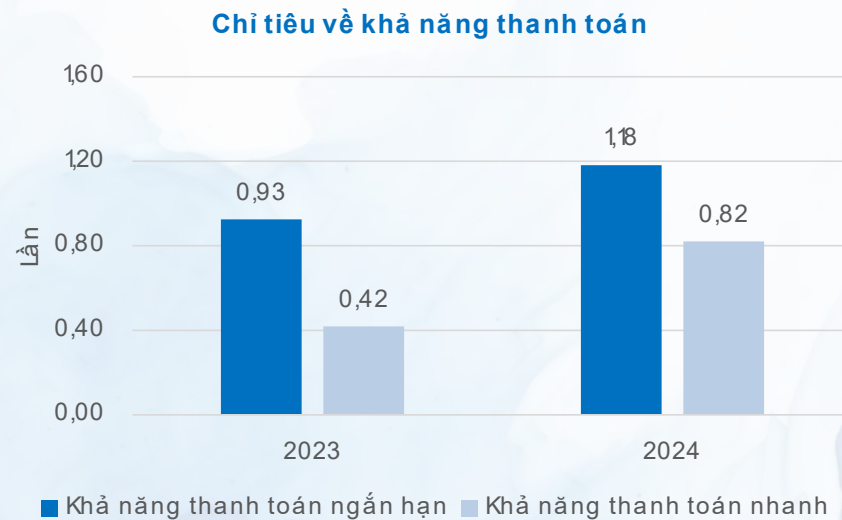
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,93	1,18
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,42	0,82
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,96	29,84
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	46,97	42,53
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	2,9	4,16
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,46	0,65
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,64	20,85
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,52	19,47
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,77	13,47
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	16,26	27,49



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

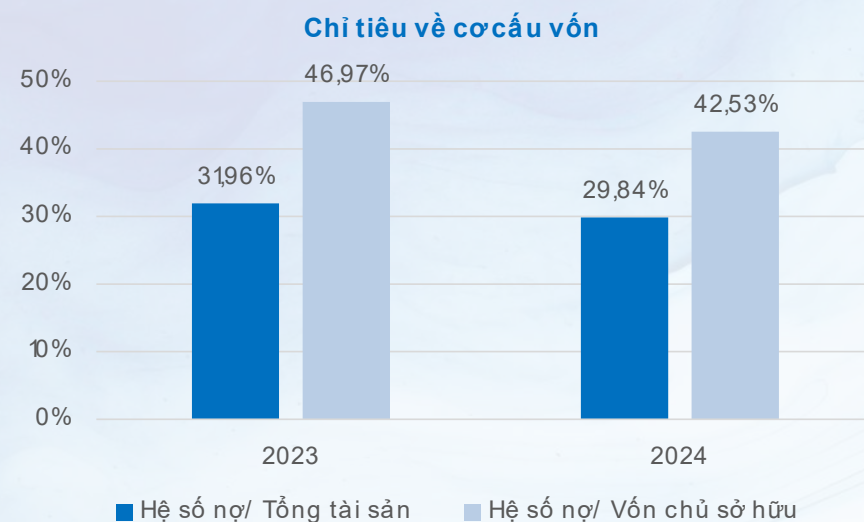
Kết thúc năm 2024, hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty đạt 1,18 lần, tăng so với mức 0,93 lần của năm 2023. Điều này phản ánh sự cải thiện trong khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn của công ty. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh cũng tăng đáng kể từ 0,36 lần lên 0,82 lần. Tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn của Công ty đều tăng so với năm trước, đạt 168.429 triệu đồng và 142.495 triệu đồng, lần lượt tăng 48.400 triệu đồng (tăng 40,32%) và 12.772 triệu đồng (tăng 9,85%) so với cùng kỳ năm 2023. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do tăng khoản tiền và tương đương tiền từ 14.727 triệu đồng năm 2023 lên 33.814 triệu đồng năm 2024, tăng 19.087 triệu đồng, tương đương tăng 129,6% nhờ bối cảnh kinh doanh năm 2024 thuận lợi, góp phần gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Nhờ đó mà công ty thu tiền nhiều hơn từ việc bán hàng và từ tiền giá bán nước tăng đầu năm.

Công ty có chiến lược vay nợ thận trọng trong năm 2024 khi nợ ngắn hạn tăng nhẹ 9,85% so với cùng kỳ, phần lớn đến từ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại các NHTM tăng. Điều này cho thấy bên cạnh gia tăng các khoản nợ, Công ty cũng dự trữ thêm tiền để phòng tránh rủi ro về thanh khoản có thể xảy ra. Bên cạnh đó, hàng tồn kho của Công ty cũng giảm, góp phần cải thiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.



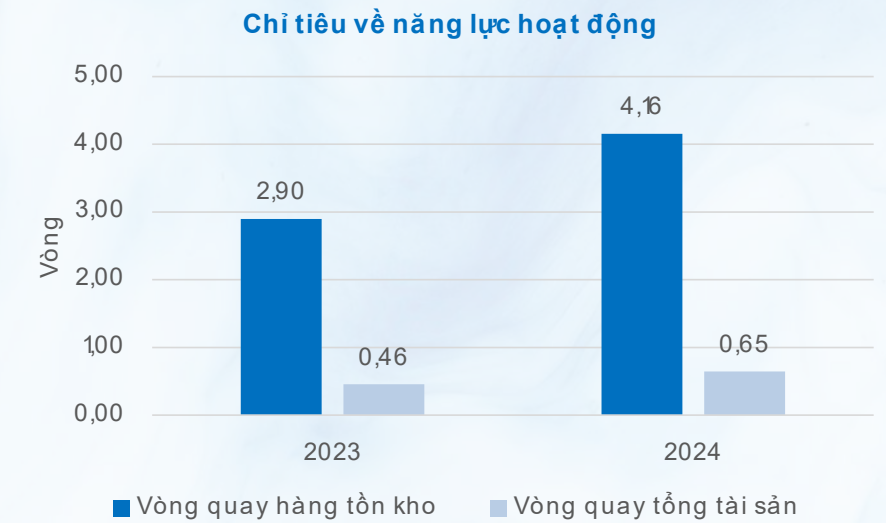
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong năm 2024, tỷ lệ nợ/tổng tài sản của công ty giảm từ 31,96% xuống còn 29,84% (giảm 6,62% so với cùng kỳ) và tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu bình quân giảm từ 46,97% xuống còn 42,53% (giảm 9,44% so với cùng kỳ). Cả hai chỉ số đều giảm nguyên nhân do tổng nợ của công ty tăng nhẹ 10.665 (tăng 4,61%) triệu đồng, trong khi tài sản và vốn chủ sở hữu tăng mạnh lần lượt 87.074 triệu đồng (tăng 12,03%) và 76.409 (tăng 15,51%) triệu đồng. Có thể thấy trong năm 2024, công ty không có kế hoạch tăng vay nợ nhiều mà thay vào đó là gia tăng vốn chủ sở hữu, chủ yếu để phục vụ cho mục đích tài trợ cho nhu cầu sử dụng tài sản, cụ thể là gia tăng đầu tư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng.



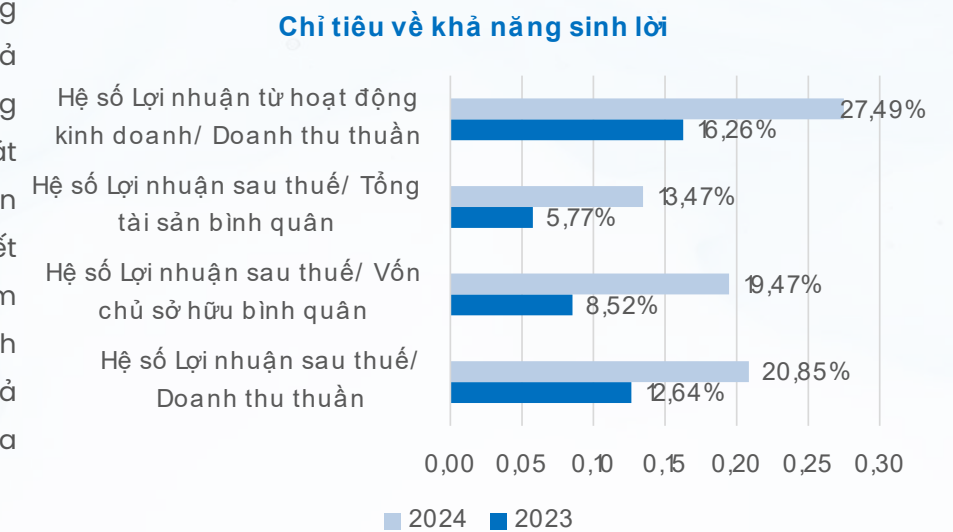
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Vòng quay hàng tồn kho của công ty đạt 4,16 lần, tăng 43,45% so với cùng kỳ, điều này cho thấy công ty đã quản lý và kiểm soát tốt tình trạng tồn đọng hàng tồn kho. Kết quả này đạt được nhờ công ty tăng giá vốn hàng bán 61.502 triệu đồng (tăng 33,73% so với cùng kỳ), trong khi đó hàng tồn kho của công ty ghi nhận sự sụt giảm 14.340 triệu đồng (giảm 21,78% so với cùng kỳ). Tương tự, vòng quay tổng tài sản trong năm 2024 đạt 0,65 lần (tăng 41,49% so với cùng kỳ) nhờ công ty tăng doanh thu thuần 167.015 triệu đồng và tài sản 87.074 triệu đồng. Chỉ số này phản ánh hiệu suất sử dụng tài sản của công ty đã được nâng cao, khi mỗi đồng tài sản tạo ra doanh thu nhiều hơn so với năm trước.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2024, công ty đã đạt được sự cải thiện đáng kể về khả năng sinh lời, với tất cả các chỉ tiêu lợi nhuận đều tăng so với năm 2023. Chỉ tiêu lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và lợi nhuận trên tổng tài sản có xu hướng tăng cao nhất so với năm trước, lần lượt đạt 19,47% (tăng 128,45%) và 13,47% (tăng 133,43%), cho thấy Công ty sử dụng tối ưu tài sản và vốn chủ sở hữu trong năm. Ngoài ra, hai chỉ số sinh lời còn lại ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao bao gồm tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần, tăng từ 12,64% lên 20,85% (tăng 64,97% so với cùng kỳ) và tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần, tăng từ 16,26% lên 27,49% (tăng 69,00% so với cùng kỳ). Kết quả cho thấy doanh nghiệp đã nâng cao hiệu quả kinh doanh, kiểm soát tốt chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận trên mỗi đơn vị doanh thu. Những kết quả này cho thấy công ty đã kiểm soát tốt chi phí, tối ưu hoạt động kinh doanh cốt lõi và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực trong năm vừa qua.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA

VỐN CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.400 cổ phiếu



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 31/05/2024

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	14.280.000	142.800.000.000	51,00%
II	Cổ đông trong nước	27.995.500	279.955.000.000	99,98%
1	Cá nhân	6.814.100	68.141.000.000	24,34%
2	Tổ chức	21.181.400	211.814.000.000	75,65%
III	Cổ đông nước ngoài	4.500	45.000.000	0,02%
1	Cá nhân	4.500	45.000.000	0,02%
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng (II+III)		28.000.000	280.000.000.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% theo Công văn số 3110/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25/05/2022 về Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty.

CỔ ĐÔNG LỚN

Tính tại ngày 31/12/2024

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (tính theo mệnh giá)	Tỷ lệ sở hữu
UBND Thành phố Cần Thơ	14.280.000	142.800.000.000	51,00%
CTCP –Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	6.900.000	69.000.000.000	24,64%
CTCP Nước Thủ Dầu Một (*)	6.429.900	64.299.000.000	22,96%

(*) Theo Báo cáo kết quả đợt chào mua công khai của CTCP Nước Thủ Dầu Một ngày 27/12/2024.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Tại ngày 01/01/2015, Công ty hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với 100% vốn nhà nước, tương ứng phần vốn góp là 179.061.983.755 đồng.
- Từ ngày 01/07/2015, Công ty chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155244 (đăng ký thay đổi lần thứ 9) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp. Vốn điều lệ sau khi chuyển đổi là 280.000.000.000 đồng. Kể từ đó đến nay, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ chưa thực hiện tăng vốn điều lệ, duy trì ổn định ở mức 280.000.000.000 đồng. Trong đó, cổ đông Nhà nước – đại diện là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ – nắm giữ 64% vốn điều lệ.
- Đến năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Công ty, giảm tỷ lệ sở hữu từ 64% xuống còn 51% và duy trì đến thời điểm hiện nay.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

Các chứng khoán khác: không



03

trụ cột phát triển bền vững



**BỀN VỮNG
VỀ MÔI TRƯỜNG**



**BỀN VỮNG
VỀ CON NGƯỜI**



**BỀN VỮNG
VỀ KINH TẾ**



Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai, cốt lõi nằm ở việc cân bằng các yếu tố về môi trường, xã hội và kinh tế.

BÁO CÁO

**TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước – ngành có tác động trực tiếp đến môi trường và đời sống cộng đồng – CTW luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động sản xuất, vận hành. Các quy trình xử lý nước sạch và nước thải tiêu tốn nhiều năng lượng, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh khí thải, ảnh hưởng đến hệ sinh thái tự nhiên và chất lượng môi trường sống. Để giảm thiểu các tác động tiêu cực này, CTW đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu suất vận hành, sử dụng thiết bị thân thiện với môi trường và từng bước chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời. Song song đó, Công ty đẩy mạnh số hóa và tự động hóa trong công tác quản lý hệ thống cấp – thoát nước, góp phần tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu chi phí và hạn chế lãng phí tài nguyên.

Bên cạnh các biện pháp cải tiến vận hành, CTW không ngừng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ xử lý nước tiên tiến, nhằm đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt chuẩn quy định, đồng thời tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ nguồn nước trong dài hạn. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục ưu tiên triển khai các chiến lược phát triển xanh, tăng cường đầu tư vào công nghệ sạch, hướng đến mô hình vận hành hiện đại, hiệu quả và thân thiện với môi trường. Đây là những tiền đề quan trọng giúp CTW vừa nâng cao hiệu quả hoạt động, vừa thể hiện rõ cam kết về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Về công tác kiểm soát môi trường, CTW tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và tiêu chí do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Tại các nhà máy, Công ty bố trí nhân sự chuyên trách để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, Công ty nhanh chóng kích hoạt phương án ứng phó, đảm bảo an toàn cho người lao động và tài sản, đồng thời thông báo kịp thời đến cơ quan chức năng. Định kỳ, Công ty thực hiện quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý và nước mặt nhằm giám sát chặt chẽ các chỉ số môi trường. Hệ thống thu gom nước thải cũng được quy hoạch tách biệt, đảm bảo toàn bộ lượng nước thải phát sinh đều được xử lý tập trung, góp phần giảm thiểu khí thải gây biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng môi trường sống tại địa phương.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên liệu	ĐVT	Năm 2023		Năm 2024	
		Tổng lượng sử dụng	Tính trên g/ m³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên g/ m³
Nhà máy nước Cần Thơ 1					
PAC	Kg	193.559	8,749	169.125	7,383
Clor	Kg	42.949	1,941	46.016	2,008
Nhà máy nước Hưng Phú					
PAC	Kg	28.575	6,94	22.976	4,79
Clor	Kg	7.535	1,8	11.899	2,5
Nhà máy nước Bông Vang					
PAC	Kg	21.610	6,7	23.490	6,5
Clor	Kg	8.890	2,8	9.680	2,7

Năm 2024, công ty đã phân bổ chỉ tiêu PAC cho từng cụm nhà máy, nhờ đó tổng lượng PAC đã giảm so với năm 2023. Để hoạt động kinh doanh hiệu quả và phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đã triển khai nhiều biện pháp quản lý vật tư, sử dụng tài nguyên nước hợp lý và giảm thiểu lãng phí.

Công ty đã đầu tư công nghệ hiện đại để giám sát và kiểm soát lượng nước tiêu thụ trong sản xuất và vận hành hệ thống cấp thoát nước. Cụ thể, các chương trình theo dõi liên tục và công nghệ cảm biến được áp dụng để phát hiện và xử lý kịp thời rò rỉ trong đường ống và thiết bị.

Ngoài ra, công ty chú trọng bảo quản và xử lý nước sạch phục vụ hộ gia đình và doanh nghiệp. Công nghệ xử lý nước tiên tiến được sử dụng để đảm bảo chất lượng nước cao và không gây hại môi trường. Việc xây dựng và duy trì khu vực bảo vệ nguồn nước rất quan trọng để duy trì nguồn cung ổn định và nước an toàn.

Công ty cũng nhận thức tầm quan trọng của việc nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý tài nguyên cho nhân viên. Các chương trình đào tạo thường xuyên được tổ chức để nhân viên hiểu rõ trách nhiệm và sử dụng vật tư hiệu quả. Nhờ vậy, toàn bộ đội ngũ sản xuất và cung cấp nước đều nắm vững mục tiêu bền vững và cam kết của công ty.

Cuối cùng, công ty khuyến khích sử dụng vật liệu tái chế trong sản xuất và cung cấp nước. Điều này giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xây dựng chuỗi cung ứng bền vững. Các biện pháp quản lý vật tư này thể hiện quyết tâm của công ty trong việc xây dựng tương lai xanh, sạch và bền vững cho cộng đồng.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước, máy bơm và các thiết bị chiếu sáng, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ chủ yếu sử dụng hai nguồn năng lượng chính là điện năng và dầu diesel. Nhận thức được tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường cũng như chi phí vận hành, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc kiểm soát và tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng, bao gồm cả năng lượng trực tiếp và gián tiếp. Việc đánh giá và quản lý hiệu quả sử dụng năng lượng được lồng ghép vào chiến lược phát triển bền vững, với mục tiêu nâng cao hiệu suất hoạt động, giảm thiểu phát thải và tiết kiệm chi phí.

Trong năm 2024, tình hình sử dụng điện năng và dầu diesel của CTW như sau:

Nguồn năng lượng	ĐVT	NMN Cần Thơ 1		NMN Hưng Phú		NMN Bông Vang	
		Tổng lượng sử dụng	Tính trên Wh/m³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên Wh/m³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên Wh/m³
Điện năng	Kwh	4.724.023	206,2	832.905	173,6	674.630	186,7
Dầu diesel	Lít	4.437	-	3.291	-	1.594	-

Trong năm 2024, CTW đã tiêu thụ tổng cộng 6.231.558 kWh điện và 9.322 lít dầu diesel tại ba nhà máy nước (NMN Cần Thơ 1, NMN Hưng Phú và NMN Bông Vang).

Để từng bước giảm thiểu năng lượng tiêu thụ trực tiếp, Công ty đã đầu tư vào công nghệ hiện đại và triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tái tạo, điển hình là hệ thống điện mặt trời tại một số cơ sở vận hành. Đồng thời, CTW liên tục cải tiến thiết bị và quy trình sản xuất, tăng cường bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo máy móc hoạt động ổn định, hiệu quả và tiêu hao ít năng lượng hơn. Các mục tiêu cụ thể về tiết kiệm năng lượng được đề ra và gắn với kế hoạch quản trị vận hành, từ đó nâng cao tính chủ động và đo lường được kết quả đạt được.

Bên cạnh yếu tố kỹ thuật, Công ty còn khuyến khích sự tham gia của đội ngũ nhân viên thông qua việc đề xuất sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong công việc hằng ngày. Những ý tưởng khả thi được triển khai thực tế và đánh giá hiệu quả thông qua các báo cáo định kỳ. Việc minh bạch công bố kết quả của các sáng

kiến này không chỉ phản ánh cam kết của CTW trong lĩnh vực quản lý năng lượng mà còn là cơ sở để xây dựng các giải pháp phù hợp trong tương lai.



TIÊU THỤ NƯỚC

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp – thoát nước và xử lý nước thải, CTW xác định tài nguyên nước vừa là yếu tố đầu vào thiết yếu, vừa là sản phẩm đầu ra chủ lực trong chuỗi hoạt động của Công ty. Nguồn nước thô được CTW khai thác chủ yếu từ sông Hậu và sông Cần Thơ, sau đó trải qua quy trình xử lý nghiêm ngặt gồm các bước như khử phèn, lắng cặn, lọc và khử trùng để tạo ra nước sạch đạt chuẩn chất lượng theo QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của nước trong bối cảnh tài nguyên ngày càng khan hiếm, CTW luôn đặt mục tiêu quản lý và sử dụng nước hiệu quả làm một trong những ưu tiên hàng đầu. Công ty liên tục tối ưu hóa hệ thống thiết bị và quy trình xử lý nhằm giảm thất thoát, tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu suất vận hành. Bên cạnh đó, CTW triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên và cộng đồng về việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và có trách nhiệm.

Một phần quan trọng trong chiến lược tiết kiệm nước của Công ty là từng bước xây dựng và mở rộng hệ thống tái sử dụng nước trong nội bộ hoạt động sản xuất, đồng thời khuyến khích sử dụng nước tái chế tại các cơ sở phù hợp. Các mục tiêu tiết kiệm nước được CTW cụ thể hóa thông qua chỉ tiêu theo dõi định kỳ, kết hợp với việc lập báo cáo đánh giá hiệu quả thực hiện. Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty kiểm soát tốt nguồn tài nguyên sử dụng mà còn góp phần vào việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong lĩnh vực cấp thoát nước.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm qua, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh. Không chỉ đảm bảo tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn bắt buộc, Công ty còn chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời những quy định mới và xu hướng quản lý môi trường, từ đó điều chỉnh chiến lược vận hành một cách linh hoạt và phù hợp với thực tiễn.

CTW cam kết toàn bộ hoạt động sản xuất, xử lý và cung cấp nước đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn môi trường, đặc biệt là chất lượng nước sạch theo QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế, cụ thể:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kiểm hằng tháng nhóm A.
- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ kiểm nhóm B, AB.
- Ngoài ra, nước mặt và nước thải Công ty thuê Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường TP. Cần Thơ kiểm theo QCVN 08:2023/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT.

Bên cạnh việc tuân thủ pháp lý, CTW còn tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý môi trường và chính quyền địa phương để đề xuất các giải pháp cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Công ty tích cực tham gia các hội thảo, diễn đàn chuyên ngành nhằm trao đổi kinh nghiệm, cập nhật xu hướng mới và mở rộng hợp tác với các đơn vị trong ngành. Trên cơ sở đó, CTW triển khai nhiều chương trình giáo dục cộng đồng, hoạt động xã hội và chiến dịch truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn nước và môi trường sống, đồng thời thúc đẩy các hành động thiết thực từ phía người dân. Đây là một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển bền vững mà CTW theo đuổi trong dài hạn.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong giai đoạn 2021–2024, số lượng người lao động của Công ty duy trì ổn định, dao động từ 311 đến 316 người mỗi năm. Cụ thể năm 2024 số lượng người lao động là 311 người, thu nhập bình quân: 13,33 triệu đồng/người/tháng. Công ty luôn nỗ lực duy trì mức thu nhập ổn định, phù hợp với điều kiện sản xuất – kinh doanh, đồng thời đảm bảo chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm giữ chân và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ luôn xác định người lao động là tài sản quý giá, đóng vai trò then chốt trong sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó, chính sách lao động của Công ty được xây dựng với trọng tâm là đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi toàn diện cho người lao động. Công ty cam kết duy trì một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh thông qua việc tổ chức huấn luyện định kỳ về an toàn lao động, đồng thời trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân cho toàn bộ cán bộ, nhân viên. Các biện pháp này không chỉ đáp ứng yêu cầu pháp lý mà còn thể hiện sự quan tâm thực chất đến sức khỏe và an toàn của người lao động trong suốt quá trình làm việc.

Bên cạnh đó, Công ty triển khai chương trình bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bao gồm khám sức khỏe định kỳ và dịch vụ y tế hỗ trợ, nhằm giúp người lao động duy trì thể trạng tốt và phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe. Các hoạt động khuyến khích lối sống lành mạnh và chăm sóc sức khỏe tinh thần cũng được lồng ghép trong các chương trình nội bộ, hướng đến sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống.

Không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ quyền lợi cơ bản, CTW còn chú trọng xây dựng môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích tinh thần cống hiến và tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát triển toàn diện cả về nghề nghiệp lẫn đời sống tinh thần. Đây cũng là nền tảng để Công ty giữ chân người lao động gắn bó lâu dài và xây dựng đội ngũ vững mạnh, đồng hành cùng định hướng phát triển của doanh nghiệp.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách lao động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ được xây dựng với mục tiêu bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn lao động và nâng cao phúc lợi cho người lao động. Đồng thời, Công ty cam kết tạo ra môi trường làm việc tích cực, hỗ trợ phát triển nghề nghiệp thông qua các chương trình đào tạo kỹ năng và học tập liên tục.

Bên cạnh các chế độ an sinh, Công ty đặc biệt chú trọng phát triển năng lực chuyên môn cho người lao động. Các chương trình đào tạo được thiết kế từ cơ bản đến chuyên sâu, bao

gồm kỹ thuật chuyên ngành, kỹ năng mềm và cập nhật công nghệ, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh đổi mới và phát triển không ngừng.

CTW thường xuyên tổ chức hội thảo, khóa đào tạo nội bộ và tạo điều kiện để nhân viên tham gia các khóa học trực tuyến, webinar, cũng như các chương trình đào tạo từ xa. Đối với người lao động có nhu cầu nâng cao trình độ học vấn, Công ty áp dụng chính sách hỗ trợ học phí cho các chương trình đại học và sau đại học liên quan đến lĩnh vực hoạt động.



BẢO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ luôn gắn kết hoạt động sản xuất – kinh doanh với trách nhiệm xã hội, đặc biệt là đối với cộng đồng địa phương. Với tinh thần sẻ chia và phát triển bền vững, Công ty thường xuyên trích một phần lợi nhuận để tham gia các hoạt động thiện nguyện và hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại TP. Cần Thơ.

Trách nhiệm xã hội không chỉ là một cam kết mà còn là yếu tố cốt lõi trong chiến lược kinh doanh toàn diện của CTW. Trong năm 2024, Công đoàn đã tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa, trong đó có chương trình tặng quà Tết Nguyên đán cho công đoàn viên với tổng kinh phí 153.000.000 đồng, góp phần mang đến một mùa xuân ấm áp. Bên cạnh đó, Công đoàn cơ sở đã tổ chức Hội thao và Ngày hội công nhân năm 2024, đồng thời tham gia các hoạt động thiện nguyện, bao gồm đóng góp 01 ngày lương hỗ trợ đồng bào miền Bắc bị ảnh hưởng bởi bão lụt với số tiền 139.340.909 đồng, đóng góp vào Quỹ "Tấm lòng vàng" do Liên đoàn Lao động TP Cần Thơ phát động với 18.660.000 đồng, và ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phát động với 72.700.000 đồng.

Những đóng góp này không chỉ thể hiện tinh thần trách nhiệm mà còn lan tỏa giá trị nhân văn, góp phần cải thiện đời sống người dân địa phương. CTW tin rằng sự phát triển bền vững của doanh nghiệp cần đi đôi với sự đồng hành và chia sẻ cùng cộng đồng, hướng đến mục tiêu xây dựng một xã hội nhân ái, công bằng và phát triển toàn diện.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Thị trường vốn xanh ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính toàn cầu, với mục tiêu tài trợ cho các dự án bền vững, thân thiện với môi trường và thúc đẩy tăng trưởng xanh. Các công cụ tài chính như trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh hay quỹ đầu tư xanh đang trở thành xu hướng đầu tư mới, không chỉ giúp doanh nghiệp huy động nguồn vốn hiệu quả mà còn thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội.

Mặc dù hiện tại CTW chưa trực tiếp tham gia vào thị trường vốn xanh, Công ty vẫn ưu tiên tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh. Bảo vệ môi trường luôn được xác định là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động của CTW, thể hiện rõ qua việc tối ưu hóa quy trình vận hành, áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát thải, từng bước xây dựng hệ thống tuần hoàn nước và chuyển đổi sang sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.

Những nỗ lực này không chỉ giúp CTW nâng cao hiệu quả vận hành, kiểm soát chi phí và giảm thiểu tác động đến môi trường, mà còn tạo nền tảng vững chắc để Công ty tiếp cận các nguồn tài chính xanh trong tương lai. Đây cũng là bước đi quan trọng nhằm đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của các nhà đầu tư quan tâm đến yếu tố ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị) và khẳng định định hướng phát triển bền vững của CTW trong dài hạn.



03

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY SO VỚI KẾ HOẠCH/ DỰ TÍNH VÀ CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC ĐÂY

Năm 2024, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ tiếp tục nỗ lực triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra trong bối cảnh có nhiều yếu tố thuận lợi xen lẫn thách thức. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, sự điều hành linh hoạt của Ban Điều hành và tinh thần trách nhiệm cao của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều mặt.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2024

Mặc dù còn nhiều thách thức, CTW vẫn đạt được nhiều kết quả nổi bật trong năm 2024:

- Doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều vượt kế hoạch, với doanh thu tăng 49,47% và lợi nhuận sau thuế tăng 115,09% so với năm 2023.
- Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cao năng lực cung cấp và chất lượng dịch vụ.
- Thành lập Trung tâm Giám sát và Ứng dụng Công nghệ - Chuyển đổi số (Trung tâm MDC) để đẩy nhanh công tác chuyển đổi số và giám sát tập trung các phần mềm, scada nhà máy, hệ thống giám sát áp lực/lưu lượng, WebGis quản lý tài sản mạng lưới...
- Tích cực ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý: triển khai hệ thống WebGIS, CTWCare, Power BI, hợp đồng điện tử và giám sát chất lượng nước trực tuyến, góp phần tối ưu hóa vận hành và nâng cao tính minh bạch.
- Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt đạt 90,6%, tăng 5% so với năm 2023, đánh dấu bước tiến quan trọng trong công tác chuyển đổi số và nâng cao trải nghiệm khách hàng.



- Duy trì hệ thống cấp thoát nước hoạt động an toàn, ổn định; chất lượng nước sạch đảm bảo đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế.

THUẬN LỢI

Việc điều chỉnh tăng giá nước sạch từ ngày 01/02/2024 theo Quyết định số 215/QĐ-UBND đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc cải thiện nguồn thu. Bên cạnh đó, doanh thu từ vận hành Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2021-2023 và hoạt động thanh lý vật tư tồn kho lâu năm đã đóng góp tích cực vào kết quả tài

chính năm. Ngoài ra, công tác chăm sóc khách hàng, quản lý mạng lưới cấp thoát nước và triển khai dịch vụ công ích được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của Công ty.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đã thực hiện đấu nối mới cho 2.796 hộ gia đình, nâng tổng số khách hàng lên

78.375 hộ. Nhờ đó, Công ty tiếp tục mở rộng phạm vi cung cấp nước sạch, góp phần nâng cao tỷ lệ hộ dân được tiếp cận nguồn nước đảm bảo chất lượng, đồng thời thực hiện tốt chỉ đạo của Thành ủy và UBND thành phố trong việc phát triển mạng lưới cấp nước trên địa bàn.

KHÓ KHĂN

Bên cạnh những thuận lợi trong quá trình hoạt động, Công ty cũng phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức. Một trong những vấn đề đáng lo ngại là tình trạng thất thoát nước. Hiện nay, thành phố Cần Thơ đang trong giai đoạn chỉnh trang đô thị, với nhiều tuyến đường được nâng cấp và mở rộng, ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước, làm gia tăng tỷ lệ thất thoát. Ngoài ra, khoảng 5% mạng lưới cấp nước của Công ty đã vận hành hơn 40 năm, vượt quá thời gian sử dụng, dẫn đến tình trạng rò rỉ, xì bể, gây ảnh hưởng

tiêu cực đến hiệu suất hệ thống. Điều này buộc Công ty phải đầu tư nguồn lực đáng kể để cải tạo, nâng cấp nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ.

Nguồn nước đầu vào cũng là một thách thức lớn. Hoạt động khai thác nước của Công ty phụ thuộc phần lớn vào điều kiện tự nhiên, đặc biệt là vào mùa khô, khi lưu lượng nước giảm mạnh do tác động của biến đổi khí hậu. Sự suy giảm này ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất và cung cấp nước, gây khó khăn trong việc duy trì nguồn nước ổn định cho khách hàng.

Ngoài ra, Công ty cũng cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp lý về khai thác nước. Theo Luật Tài nguyên, nếu việc khai thác nước vượt quá công suất cho phép hoặc không đạt 70% lưu lượng theo giấy phép, Công ty có thể đối mặt với nguy cơ bị xử phạt và buộc hoàn trả số lợi nhuận thu được từ việc khai thác không đúng quy định. Việc tuân thủ các quy định này đòi hỏi Công ty phải có kế hoạch giám sát và điều chỉnh khai thác hợp lý nhằm tránh các rủi ro pháp lý và đảm bảo hoạt động ổn định trong dài hạn.



CƠ CẤU TÀI SẢN

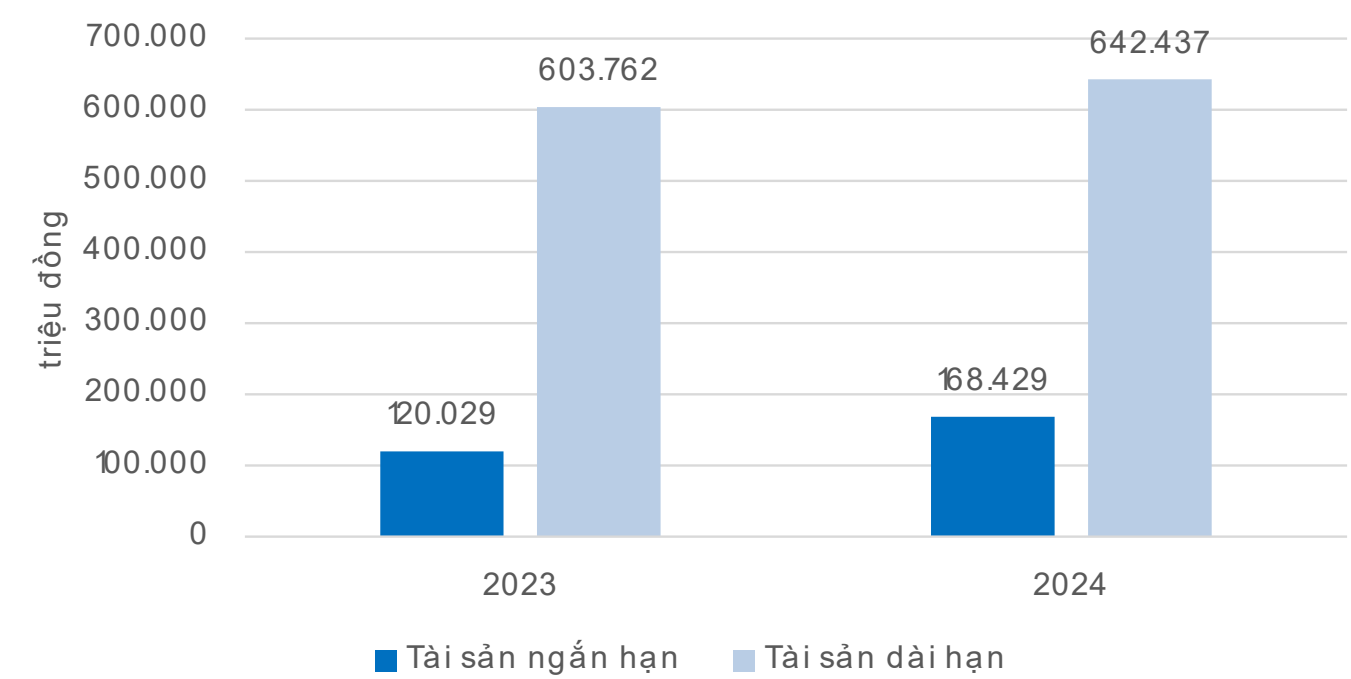
ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		TH 2024/ TH 2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	120.029	16,58%	168.429	20,77%	140,32%
Tài sản dài hạn	603.762	83,42%	642.437	79,23%	106,41%
Tổng tài sản	723.79	100,00%	810.865	100,00%	112,03%

Kết thúc năm 2024, Công ty đã ghi nhận sự gia tăng đáng kể về quy mô tài sản. Tổng tài sản của công ty đạt 810.865 triệu đồng, tăng 12,03% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu tài sản của công ty có sự dịch chuyển đáng chú ý, với tài sản ngắn hạn tăng mạnh từ 120.029 triệu đồng lên 168.429 triệu đồng, tương ứng mức tăng 40,32%, trong đó khoản mục tăng nhiều nhất là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, cụ thể là Công ty đã tăng khoản tiền gửi có kỳ hạn 33.871 triệu đồng. Trong khi đó, tài sản dài hạn tăng nhẹ 6,41% so với năm trước, từ 603.762

triệu đồng lên 642.437 triệu đồng, phần lớn là đầu tư vào tài sản dài hạn. Điều này cho thấy Công ty vẫn duy trì đầu tư vào cơ sở hạ tầng và hệ thống cung cấp nước nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ trong dài hạn. Công ty đang mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư mạnh vào hạ tầng và nâng cao năng lực tài chính để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng cao của người dân. Với chiến lược phát triển hợp lý, công ty đang củng cố vị thế của mình trong ngành cấp thoát nước, hướng đến sự tăng trưởng bền vững trong những năm tới.

Tình hình tài sản



CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		TH 2024/ TH 2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	129.723	56,08%	142.495	58,89%	109,85%
Nợ dài hạn	101.576	43,92%	99.469	41,11%	97,93%
Tổng nợ phải trả	231.299	100,00%	241.965	100,00%	104,61%

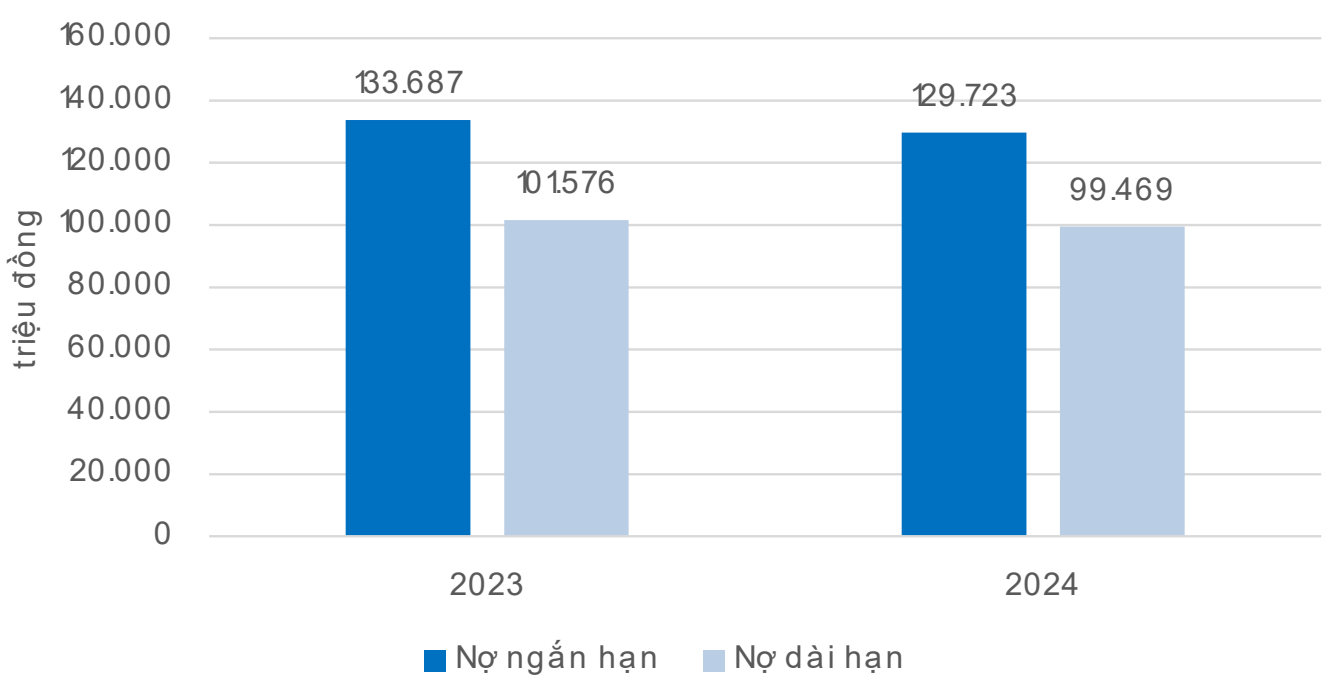
Công ty ghi nhận sự gia tăng nhẹ trong tổng nợ phải trả trong năm 2024, phản ánh chiến lược tài chính thận trọng nhằm duy trì hoạt động ổn định và mở rộng đầu tư. Công ty ghi nhận sự gia tăng trong tổng nợ phải trả, song vẫn duy trì cơ cấu nợ ở mức hợp lý. Tổng nợ phải trả của Công ty đạt 241.965 triệu đồng, tăng 4,61% so với mức 231.299 triệu đồng vào cuối năm 2023.

Nợ ngắn hạn tăng từ 129.723 triệu đồng lên 142.495 triệu đồng, tương ứng tăng 9,85%, chiếm 58,89% tổng nợ. Công ty đang có xu hướng sử dụng nợ ngắn hạn để tài trợ cho các

hoạt động vận hành và mở rộng mạng lưới cấp nước. Trong khi đó, nợ dài hạn giảm nhẹ từ 101.576 triệu đồng xuống 99.469 triệu đồng, tương ứng mức giảm 2,07%, làm giảm tỷ trọng nợ dài hạn trong cơ cấu nợ từ 43,92% xuống 41,11%.

Với sự ổn định về cơ cấu nợ, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ tiếp tục đảm bảo khả năng tài chính vững chắc để phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường nước sạch và dịch vụ thoát nước.

Tình hình nợ phải trả



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đã triển khai nhiều giải pháp cải tiến về tổ chức, chính sách và công tác quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tăng cường chất lượng dịch vụ và thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn hệ thống. Các nội dung nổi bật bao gồm:

- Tiếp tục vận hành hiệu quả hệ thống giám sát chất lượng nước sạch trực tuyến, với 08 thiết bị đặt tại các nhà máy và trên mạng lưới, theo dõi tức thời các chỉ tiêu quan trọng gồm độ đục, pH và Clo. Đồng thời, hệ thống giám sát chất lượng nước sông đầu nguồn tại 03 nhà máy cũng hoạt động ổn định, kiểm soát các chỉ tiêu như độ màu, sắt, Amoni, tổng dầu mỡ khoáng và độ mặn.
- Duy trì hệ thống liên kết thu hộ tiền nước, phối hợp với 15 ngân hàng và triển khai 08 hình thức thanh toán qua ví điện tử, góp phần nâng cao tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt và tạo thuận tiện cho khách hàng.
- Hoàn tất nâng cấp phần mềm chăm sóc khách hàng (CTWCare) trên nền tảng di động và website, bao gồm cải tiến tốc độ truy cập, nâng cao tính bảo mật khi đăng nhập và cập nhật tương thích với các phiên bản hệ điều hành mới.

- Triển khai chính thức phần mềm quản lý văn bản đi – đến từ tháng 8/2024, giúp nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ và số hóa quy trình hành chính.
- Tăng cường kênh chăm sóc khách hàng trên nền tảng Zalo, đồng thời hoàn tất việc chuyển hướng khách hàng từ Zalo sang ứng dụng CTWCare và website chăm sóc khách hàng, theo kế hoạch chuyển đổi số. Dịch vụ tra cứu tiền nước qua Zalo chính thức ngừng từ ngày 30/6/2024.
- Tiếp tục áp dụng hình thức hợp đồng điện tử trong việc ký kết hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt, góp phần rút ngắn quy trình, tiết kiệm chi phí và tăng tính minh bạch trong giao dịch.
- Triển khai ứng dụng Power BI trong quản lý dữ liệu, xây dựng hệ thống Dashboard trực quan phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo và phân tích số liệu kinh doanh, đặc biệt là mảng doanh thu nước.
- Tái cấu trúc đơn vị công nghệ thông tin, chuyển đổi Tổ Công nghệ Thông tin thành Trung tâm Giám sát và Ứng dụng Công nghệ Chuyển đổi số (MDC), nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghệ trong giai đoạn mới.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025
Sản lượng	triệu m³	27,55
Doanh thu	triệu đồng	338.224
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	53.797
Nộp thuế	-	Đúng, đủ và kịp thời gian quy định
Tỷ lệ thất thoát nước	%	<13%

- Rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức một số đơn vị trực thuộc, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động SXKD.
- Tiếp tục thỏa thuận vùng phục vụ cấp nước với huyện Phong Điền.
- Tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư, đặc biệt là các công trình:
 - + Tuyến ống cấp nước D225 HDPE hai bên đường Hoàng Quốc Việt, cúp ống cũ, thực hiện chính sách đồng hồ; Tuyến ống cấp nước D.225, D.180, D.110 HDPE, Cúp ống cũ – Thực hiện chính sách đồng hồ (Giai đoạn 1) của 32 tuyến đường quận Ninh Kiều; Tuyến ống chuyển tải D400 HDPE – IC3 (Giai đoạn 1); Tuyến ống cấp nước Quốc lộ 61C; Tuyến ống D315 HDPE (đấu nối ống D400 QL1A cũ); Cải tạo cụm 2.500 m3/ngày-đêm của CNCN Bông Vang; Bể chứa nước sạch 5.000 m3/ngày-đêm của NMN Hưng Phú; Hệ thống thu hồi và xử lý, tái sử dụng nước rửa lắng, lọc tại nhà máy 1; Hệ thống điện năng lượng mặt trời Nhà máy nước CT1; Các công trình chuyển tiếp năm 2024 nhằm cải tạo và mở rộng MLCN quận Ninh Kiều, quận Cái Răng và huyện Phong Điền.
 - + Các công trình cải tạo phục vụ chống thất thoát nước và nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước theo đề nghị của địa phương, các đơn vị quản lý khách hàng nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân.
- Tăng cường công tác chống thất thoát nước sau khi hoàn tất việc tăng áp lực trên toàn mạng lưới.

- Dự án Thoát nước & XLNT: Hoàn thành công tác bàn giao Dự án theo chỉ đạo UBND TP và thực hiện các thủ tục để ký kết hợp đồng vận hành năm 2024, 2025.
- Tiếp tục vận hành tuyến cống, trạm bơm & Nhà máy xử lý nước thải thành phố Cần Thơ, công suất 30.000 m3/ngày-đêm theo kế hoạch được duyệt.
- Tiếp tục thực hiện công tác dịch vụ công ích đô thị (duy tu, nạo vét hệ thống thoát nước, vận hành Nhà máy XLNT) trên địa bàn thành phố năm 2025.
- Tiếp tục phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, khảo sát, đề xuất, thực hiện duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước theo hợp đồng Công ty ký kết và yêu cầu của các Chủ đầu tư.
- Không ngừng nỗ lực, nâng cao chất lượng dịch vụ thoát nước, XLNT nhằm giữ vững khách hàng truyền thống. Bên cạnh đó, tiếp tục tìm kiếm thêm khách mới trên địa bàn thành phố.
- Đưa Trung tâm Giám sát và Ứng dụng công nghệ – Chuyển đổi số vào hoạt động.
- Tiếp tục duy trì công tác thanh toán tiền nước qua ví điện tử và ngân hàng (đạt ≥90%) nhằm giảm tỷ lệ khách hàng dùng tiền mặt; Cải tiến phần mềm tính tỷ lệ thất thoát tự động và phần mềm WebGIS; Tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng ứng dụng Chăm sóc khách hàng (CTWCare); Xây dựng Trợ lý ảo chăm sóc khách hàng.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của Kiểm toán đối với báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ là ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đó, Ban Tổng Giám không giải trình gì thêm.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1 ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG



Là đơn vị đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý, cung cấp nước sạch và xử lý nước thải cho thành phố Cần Thơ, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và đảm bảo chất lượng nguồn nước cho cộng đồng. Trong quá trình vận hành, Công ty luôn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt liên quan đến việc duy trì chất lượng nước đầu ra và xử lý nước thải đạt

chuẩn, trong bối cảnh đô thị hóa và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

Chất lượng nước sạch và hiệu quả xử lý nước thải được Công ty xác định là hai yếu tố cốt lõi trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2024, các kết quả giám sát định kỳ cho thấy CTW đã ứng dụng hiệu quả các công nghệ hiện đại và quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, bảo đảm nguồn nước cung cấp đạt tiêu chuẩn an toàn theo quy định của Bộ Y tế. Đồng thời, Công ty đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải bằng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến

môi trường, nâng cao chất lượng nước sau xử lý và thúc đẩy hoạt động tái sử dụng, tái chế nước – phù hợp với định hướng phát triển bền vững tài nguyên nước.

Song song với đó, CTW tích cực triển khai các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng môi trường từ hoạt động khai thác và phân phối nước, bao gồm tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng, áp dụng các nguồn năng lượng tái tạo và kiểm soát phát thải khí nhà kính. Các chương trình tiết kiệm năng lượng được triển khai đồng bộ trong toàn Công ty, với sự tham gia chủ động từ đội ngũ cán bộ, nhân viên.

2 ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG



Trong năm 2024, Công ty tiếp tục chú trọng xây dựng môi trường làm việc tích cực, đảm bảo quyền lợi và nâng cao chất lượng đời sống người lao động. Công ty triển khai các chương trình đào tạo chuyên

môn, chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực làm việc và hỗ trợ đội ngũ thích ứng với yêu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng kinh phí thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống người lao động, hỗ trợ các hoạt động xã hội và công đoàn trong năm lên đến 5.065.990.074 đồng. Trong đó, 153.000.000 đồng được dành để tặng quà Tết cho đoàn viên

công đoàn. Ngoài ra, Công đoàn còn tổ chức thành công Hội thao và Ngày hội Công nhân 2024, tạo không khí đoàn kết, nâng cao tinh thần tập thể. Công ty cũng đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách về tiền lương, khen thưởng và phúc lợi, góp phần xây dựng một đội ngũ nhân sự ổn định, gắn bó và đồng hành cùng sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

3 ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ luôn đề cao vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc đồng hành cùng sự phát triển của cộng đồng địa phương. Trong năm 2024, Công ty đã tích cực

tham gia các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ an sinh xã hội, góp phần cải thiện đời sống cho các đối tượng khó khăn. Cụ thể, Công ty đã đóng góp 90.367.886 đồng cho Quỹ Vì người nghèo do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phát động, và 18.840.000 đồng cho Quỹ Tấm lòng vàng của Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ khác trong lĩnh vực y tế,

giáo dục, bảo vệ môi trường và tuyên truyền sử dụng nước sạch, thể hiện sự gắn bó và cam kết lâu dài với cộng đồng nơi doanh nghiệp hoạt động. Những đóng góp này không chỉ lan tỏa giá trị nhân văn mà còn củng cố hình ảnh CTW là một doanh nghiệp có trách nhiệm, tích cực đóng góp vào sự phát triển bền vững của thành phố Cần Thơ.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành và toàn thể người lao động trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, an toàn và chất lượng cho người dân thành phố Cần Thơ. Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, đồng thời triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao năng suất, hiệu quả vận hành, cải tiến công nghệ và đẩy mạnh chuyển đổi số.

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đã đạt được những kết quả tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bất chấp một số khó khăn về tiến độ triển khai công trình và thách thức từ tình hình biến đổi khí hậu. Doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch đề ra, phản ánh hiệu quả trong công tác điều hành và kiểm soát chi phí. Các chỉ tiêu tài chính được cải thiện đáng kể so với cùng kỳ, trong đó doanh thu tăng 49,47% và lợi nhuận sau thuế tăng 111,41% so với năm 2023. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cao chất lượng dịch vụ và duy trì tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt đạt 90,6%, góp phần tối ưu hóa vận hành và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Về trách nhiệm môi trường, Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, đầu tư hiện đại hóa hệ thống xử lý nước thải và giám sát chất lượng nước đầu vào – đầu ra. Các giải pháp tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo và giảm phát thải được triển khai hiệu quả, góp phần bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Về trách nhiệm xã hội, Công ty thể hiện sự gắn bó với cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ người lao động và đóng góp tích cực cho các chương trình an sinh tại địa phương. Trong năm, Công ty đã dành hơn 5 tỷ đồng cho các hoạt động chăm lo người lao động và trách nhiệm cộng đồng, khẳng định vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển bền vững gắn với lợi ích xã hội.

Hội đồng quản trị đánh giá CTW đã duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh nội bộ, thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội và môi trường, tạo nền tảng vững chắc để phát triển trong giai đoạn tiếp theo.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc và các quản lý của công ty đã thực hiện một cách toàn diện và nghiêm túc các Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp. Trong quá trình quản lý, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành luôn tuân thủ đúng theo cấp bậc và quy định được đề ra trong Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Tổng Giám đốc phát huy tốt vai trò và trách nhiệm như người đứng đầu, chỉ đạo và định hướng các vấn đề quan trọng và cốt lõi, điều phối hoạt động của Ban Điều hành thực hiện kịp thời tiến độ kinh doanh. Trong năm, Ban điều hành đã xây dựng tốt các phương án mở rộng và cải tạo mạng lưới cung cấp nước nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng nước của người dân địa phương.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 được dự báo phục hồi theo hướng tích cực nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro như căng thẳng địa chính trị, biến động lãi suất – tỷ giá, gián đoạn chuỗi cung ứng và áp lực lạm phát, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 8%. Tại địa phương, Thành phố Cần Thơ xác định mục tiêu tăng trưởng kinh tế tối thiểu từ 9,5%, hướng đến tăng trưởng hai con số. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động năm 2025 của Công ty như sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản trị theo đúng phạm vi quyền hạn được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cùng các quy chế liên quan.
- Chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư theo hướng ổn định và phát triển, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Chủ động điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp với tình hình thực tế; chú trọng bảo đảm an ninh nguồn nước, tăng cường kết nối mạng lưới cấp nước khu vực nhằm duy trì ổn định hoạt động cấp nước an toàn cho toàn thành phố.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ và đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động vận hành, quản trị và chăm sóc khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí và gia tăng năng suất lao động.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc



DANH SÁCH HĐQT

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên điều hành, 03 thành viên không điều hành.

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	10.085.100	36,02%
2	Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4.211.600	15,04%
3	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Ông Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT	600	0,002%
5	Ông Trịnh Hữu Phúc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	200	0,0007%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	7/7	100%
2	Ông Nguyễn Tùng Nguyên	7/7	100%
3	Ông Nguyễn Văn Thiện	7/7	100%
4	Ông Trần Chiến Công	7/7	100%
5	Ông Trịnh Hữu Phúc	7/7	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT	31/01/2024	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý I/2024.	100%
2	01A/2024/NQ-HĐQT	31/01/2024	Nghị quyết thông qua chủ trương chấp thuận các giao dịch nội bộ có giá trị nhỏ, phục vụ công tác sản xuất giữa CanThoWassco và các công ty con (Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc-Ô Môn và Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt) trừ giao dịch tài chính.	100%
3	01B/2024/NQ-HĐQT	31/01/2024	Nghị quyết thông qua các nội dung xin ý kiến của CTCP Cấp nước Thốt Nốt như sau: - Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng trạm bơm tăng áp KCN Vĩnh Thạnh. Giao Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt thực hiện đúng trình tự thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật. - Chấp thuận chủ trương phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt năm 2024-2025. Việc tăng vốn nên chia làm 02 giai đoạn 2024 và 2025, để nghị Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt hoàn tất phương án cụ thể trình Hội đồng quản trị phê duyệt trong kỳ họp tới.	100%
4	02/2024/NQ-HĐQT	2/4/2024	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý II/2024.	100%
5	03/2024/NQ-HĐQT (Trích)	2/4/2024	Nghị quyết thông qua đánh giá hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ năm 2023.	100%
6	04/2024/NQ-HĐQT (Trích)	2/4/2024	Nghị quyết thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Lê Thu Hoài phụ trách Kiểm toán nội bộ.	100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	05/2024/NQ- HĐQT (Trích)	2/4/2024	Nghị quyết thông qua các nội dung liên quan đến Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc-Ô Môn trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%
8	06/2024/NQ- HĐQT (Trích)	2/4/2024	Nghị quyết thông qua các nội dung liên quan đến Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%
9	07/2024/NQ- HĐQT	26/4/2024	Nghị quyết thông qua các nội dung sau: - Hội đồng quản trị không phản đối về việc chào mua công khai cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, đây là nhu cầu của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một. - Việc chào mua công khai không làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty. - Đề nghị Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một thực hiện việc chào mua công khai theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.	100%
10	08/2024/NQ- HĐQT	27/6/2024	Nghị quyết thông qua các nội dung sau: - Hội đồng quản trị không phản đối về việc chào mua công khai cổ phiếu CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ, đây là nhu cầu của CTCP Nước Thủ Dầu Một. - Việc chào mua công khai không làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty. - Đề nghị CTCP Nước Thủ Dầu Một thực hiện việc chào mua công khai theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.	100%
11	09/2024/NQ- HĐQT	29/7/2024	Hội đồng quản trị quý III/2024.	100%
12	10/2024/NQ- HĐQT	24/10/2024	Hội đồng quản trị quý IV/2024.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	11/2024/NQ- HĐQT	24/10/2024	Nghị quyết thông qua ý kiến đối với việc chào mua công khai cổ phiếu CTW của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một theo Công văn số 197/CPNTDM-NSQT ngày 14/10/2024 như sau: - Hội đồng quản trị không phản đối về việc chào mua công khai cổ phiếu CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ, đây là nhu cầu của CTCP Nước Thủ Dầu Một. - Việc chào mua công khai không làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty. - Đề nghị CTCP Nước Thủ Dầu Một thực hiện việc chào mua công khai theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.	100%
14	12/2024/NQ- HĐQT	24/10/2024	Nghị quyết thông qua chấp thuận chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt. Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt tiến hành hoàn thiện các thủ tục để người đại diện vốn Nhà nước trình lại UBND phê duyệt phương án.	100%
15	13/2024/NQ- HĐQT	20/12/2024	Nghị quyết thống nhất thông qua Quy chế khoa học và công nghệ, Quy chế chi tiêu và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.	60%
16	01/2024/QĐ- HĐQT	2/4/2024	Quyết định thông qua việc ban hành Quy chế Kiểm toán Nội bộ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	100%
17	02/2024/QĐ- HĐQT	2/4/2024	Quyết định thông qua việc bổ nhiệm chức danh Phụ trách Kiểm toán Nội bộ	100%
18	03/2024/QĐ- HĐQT	29/10/2024	Quyết định thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý tài chính Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	100%
19	04/2024/QĐ- HĐQT	20/12/2024	Quyết định thông qua việc ban hành Quy chế khoa học và công nghệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	100%
20	05/2024/QĐ- HĐQT	20/12/2024	Quyết định thông qua việc ban hành Quy chế chi tiêu và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	100%



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tập thể HĐQT của CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ đều là những thành viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp. Nhằm nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả điều hành, Công ty luôn tạo điều kiện và khuyến khích các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo chuyên đề và các diễn đàn đối thoại chuyên môn do các cơ quan chức năng, hiệp hội ngành nước và tổ chức chuyên môn tổ chức.



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lâm Nguyệt Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát	5.300	0,019%
2	Bà Ngô Hồng Hạnh	Kiểm soát viên	1.300	0,005%
3	Ông Mai Song Hào	Kiểm soát viên	-	0,00%

RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của BKS trong năm:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các nội dung giám sát được triển khai một cách chủ động, tập trung vào việc kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh.

Ban Kiểm soát đã tiến hành giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, đặc biệt trong việc triển khai các nghị quyết, chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công tác thẩm tra Báo cáo tài chính quý và năm được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ chuẩn mực kế toán. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng tiến hành đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ và giám sát hoạt động tài chính – kế toán của Công ty, bao gồm việc rà soát các khoản mục trọng yếu và hiệu quả vận hành phần mềm kế toán.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng. Các thông tin liên quan đến hoạt động quản trị và tài chính, bao gồm các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị, được cung cấp đầy đủ và kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, đánh giá.

Các thành viên Ban Kiểm soát đã chủ động tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, góp phần nắm bắt toàn diện tình hình hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra ý kiến tư vấn, khuyến nghị mang tính xây dựng, hỗ trợ việc quản trị minh bạch và hiệu quả. Trong quá trình phối hợp, Ban Kiểm soát luôn duy trì nguyên tắc khách quan, độc lập, đúng chức năng.

Số lượng các cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Lâm Nguyệt Thanh	04/04	100%	100%
2	Bà Ngô Hồng Hạnh	04/04	100%	100%
3	Ông Mai Song Hào	04/04	100%	100%



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cùng các văn bản pháp luật liên quan. Các thành viên Ban Kiểm soát tích cực tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị nhằm nắm bắt thực trạng hoạt động của Công ty, đồng thời đưa ra nhận xét và đề xuất ý kiến nhằm hỗ trợ công tác quản lý, điều hành.

Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát tiếp tục tăng cường phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị giúp Ban Kiểm soát có cái nhìn tổng thể về mô hình quản trị cũng như các chiến lược kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty, từ đó đóng góp ý kiến vào quá trình ra quyết định. Các thông tin liên quan đến quyết định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị luôn được cung cấp đầy đủ, kịp thời cho Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Sự hỗ trợ và cung cấp thông tin từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng các phòng ban khác trong Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo đúng chức năng được giao.

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp, nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Ngày	Nội dung
1	31/01/2024	- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý IV/2023 và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023. - Thảo luận, góp ý các nội dung liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị tháng 01/2024. - Các nội dung khác có liên quan.
2	02/4/2024	- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2024. - Thảo luận các nội dung liên quan đến Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. - Thảo luận và thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024. - Thảo luận, góp ý các nội dung liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị tháng 4/2024. - Các nội dung khác có liên quan.

STT	Ngày	Nội dung
3	29/7/2024	- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất quý II/2024; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý II/2024. - Thảo luận, góp ý các nội dung liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị tháng 7/2024. - Các nội dung khác có liên quan.
4	24/10/2024	- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý III/2024 và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024. - Xem xét, góp ý Tờ trình của Kiểm toán nội bộ về Kế hoạch kiểm tra quý IV/2024. - Thảo luận, góp ý các nội dung liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị tháng 10/2024. - Các nội dung khác có liên quan.

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm (theo BCTC hợp nhất) như sau:

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập, thù lao, lương, thưởng
Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	913.593.600
2	Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên HĐQT	139.100.000
3	Nguyễn Văn Thiển	Thành viên HĐQT	117.500.000
4	Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT	117.500.000
5	Trịnh Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	117.500.000
Ban kiểm soát			
1	Lâm Nguyệt Thanh	Trưởng ban kiểm soát	680.745.600
2	Ngô Hồng Hạnh	Thành viên ban kiểm soát	572.189.808
3	Mai Song Hào	Thành viên ban kiểm soát	85.250.000
Ban Tổng Giám đốc			
1	Nguyễn Tùng Nguyên	Tổng Giám đốc	597.166.000
2	Trịnh Hữu Phúc	Phó Tổng Giám đốc	489.948.709
3	Huỳnh Thiện Đình	Phó Tổng Giám đốc	666.075.600
4	Nguyễn Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	680.745.600
Tổng cộng			5.177.314.917

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			SLCP	Tỷ lệ/SLCP đã phát hành	SLCP	Tỷ lệ/SLCP đã phát hành	
1	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Tổ chức có liên quan đến CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương (cổ đông lớn)	0 cp	22,96%	6.429.900 cp	22,96%	Giao dịch mua

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Số Nghị quyết của HĐQT thông qua
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Từ ngày 01/02/2024 đến ngày 31/01/2025	Hợp đồng kinh tế (trừ vay, cho vay)	171.052.560	Nghị quyết số 01A/2024/NQ-HĐQT ngày 31/01/2024 của Hội đồng quản trị CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn			17.304.300	

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến quản trị và vận hành hoạt động kinh doanh. Trong lĩnh vực đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ tích cực tham gia các khóa tập huấn, hội thảo và cập nhật kiến thức về quản trị do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức, nhằm nâng cao kỹ năng và hiểu biết cho đội ngũ nhân sự. Đồng thời, công ty không ngừng cải tiến và duy trì các chương trình đào tạo liên tục để kịp thời thích ứng với những xu hướng mới trong lĩnh vực này.

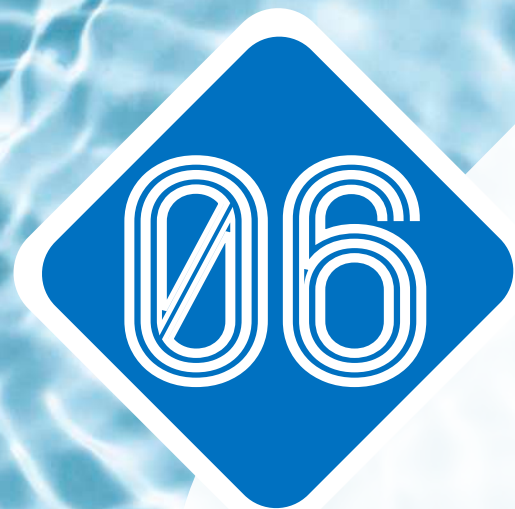
- Ngày 28/6/2024, Công ty tham gia Hội nghị trực tuyến về “Những vấn đề lưu ý trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán của Công ty đại chúng, công ty niêm yết; Các sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty đại chúng, công ty niêm yết” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam phối hợp tổ chức.

- Ngày 21/8/2024, Công ty tham gia Hội thảo tập huấn tuyên truyền về “Quy định pháp lý quản trị công ty, nghĩa vụ công bố thông tin và tầm quan trọng của IR đối với công ty đại chúng” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Công ty chứng khoán Yuanta phối hợp tổ chức.

- Ngày 13/9/2024, Công ty tham gia Hội thảo về “Nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị công ty đại chúng bằng các quy định nội bộ” do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS) phối hợp tổ chức.

Ngoài ra, công ty luôn đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật để duy trì tính minh bạch trong việc cung cấp thông tin cho cổ đông. Điều này không chỉ bảo vệ quyền lợi của cổ đông mà còn củng cố niềm tin vững chắc vào công ty. Chúng tôi cam kết công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo tính chính xác và khách quan. Việc này không chỉ hỗ trợ bảo vệ lợi ích của cổ đông mà còn giúp công ty giảm thiểu rủi ro pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025
Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Lê Hùng Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174-2025-005-1

Hà Thị Thư
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5952-2023-005-1

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.428.520.668	120.028.951.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	56.810.251.812	31.174.452.443
1. Tiền	111		22.995.885.540	16.446.980.984
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.814.366.272	14.727.471.459
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.877.744.978	806.950.486
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a1	35.877.744.978	806.950.486
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.426.630.796	19.185.072.233
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11.428.524.302	10.010.413.435
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.913.140.647	7.677.714.071
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.842.671.170	3.040.726.393
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4	(1.757.705.323)	(1.543.781.666)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	51.485.998.377	65.826.216.161
1. Hàng tồn kho	141		52.490.517.100	73.031.208.662
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.004.518.723)	(7.204.992.501)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.827.894.705	3.036.260.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	2.372.723.264	2.034.997.518
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		434.640.278	470.841.535
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	20.531.163	530.420.958
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		642.436.703.236	603.762.171.546
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	87.904.901
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	165.071.565	165.071.565
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5b	(165.071.565)	(77.166.664)
II. Tài sản cố định	220		576.763.014.614	530.128.017.677
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	576.397.348.805	529.762.351.868
- Nguyên giá	222		1.241.168.559.685	1.122.995.540.036
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(664.771.210.880)	(593.233.188.168)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	365.665.809	365.665.809
- Nguyên giá	228		1.592.515.809	1.592.515.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.226.850.000)	(1.226.850.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		43.678.565.113	61.749.947.968
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	43.678.565.113	61.749.947.968
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		883.648.947	2.083.648.947
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	883.648.947	883.648.947
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a2	-	1.200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.111.474.562	9.712.652.053
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	21.111.474.562	9.712.652.053
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		810.865.223.904	723.791.122.880

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		241.964.517.198	231.299.633.734
I. Nợ ngắn hạn	310		142.495.276.707	129.723.406.605
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	18.734.070.934	15.774.674.863
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	396.962.714	612.516.367
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	7.710.862.521	10.540.692.376
4. Phải trả người lao động	314		23.591.574.082	16.723.984.514
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.297.449.739	1.421.487.095
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		28.929.630	243.293.481
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	2.016.026.309	2.972.397.392
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	74.286.766.161	67.602.756.398
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	8.459.812.104	8.238.813.215
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.972.822.513	5.592.790.904
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		99.469.240.491	101.576.227.129
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	441.866.383	500.866.383
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	95.227.374.108	101.075.360.746
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.800.000.000	-

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		568.900.706.706	492.491.489.146
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	568.900.706.706	492.491.489.146
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.856.205.581	6.856.205.581
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		47.517.488.290	43.860.571.772
5. Cổ phiếu quỹ	415		(10.447.685)	(10.447.685)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		68.032.867.521	57.793.998.357
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.997.187.849	40.570.325.975
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.545.507.594	6.237.558.123
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		88.451.680.255	34.332.767.852
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		276.000.000	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		73.231.405.150	63.420.835.146
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		810.865.223.904	723.791.122.880

Phan Thị Phụng
Người lập biểu

Diệp Tôn Kiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Tùng Nguyên
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	495.575.540.396	328.560.067.497
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	495.575.540.396	328.560.067.497
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	243.822.295.250	182.320.068.209
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		251.753.245.146	146.239.999.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.330.659.522	1.020.265.661
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	9.457.581.869	12.645.683.529
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.457.581.869	12.645.683.529
8. Phần lãi /(hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	50.527.619.208	37.530.555.907
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	56.877.954.708	43.644.838.674
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		136.220.748.883	53.439.186.839
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.804.583.272	5.636.871.270
13. Chi phí khác	32	VI.8	7.408.347.406	5.855.155.885
14. Lợi nhuận khác / (lỗ) (40 = 31 - 32)	40		(4.603.764.134)	(218.284.615)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		131.616.984.749	53.220.902.224
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	28.269.609.561	11.687.712.915
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		103.347.375.188	41.533.189.309
Cổ đông của Công ty mẹ	61		88.451.680.255	34.332.767.852
Cổ đông không kiểm soát	62		14.895.694.933	7.200.421.457
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.881	1.096
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.881	1.096

Phan Thị Phụng
Người lập biểu

Diệp Tôn Kiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Tùng Nguyên
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		131.616.984.749	53.220.902.224
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	73.804.491.154	67.319.390.138
- Các khoản dự phòng	03	VI.3,6	(5.677.646.331)	3.311.902.004
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(166.268.596)	(1.020.265.661)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	9.457.581.869	12.645.683.529
- Các khoản điều chỉnh khác	07		3.800.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		212.835.142.845	135.477.612.234
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(2.378.156.359)	(1.372.606.044)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		20.540.691.562	(7.002.634.100)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(5.038.255.747)	(18.498.644.726)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(11.736.548.255)	(55.695.396)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.471.975.341)	(12.614.689.125)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14a	(31.509.459.391)	(28.317.637.391)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.734.677.000)	(2.143.124.292)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		170.506.762.314	65.472.581.160
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(89.346.740.802)	(58.650.866.040)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47.000.000.000)	(2.136.551.593)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.129.205.508	4.783.513.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		635.033.787	308.104.073
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(122.582.501.507)	(55.695.800.560)

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		170.185.207.004	154.825.082.044
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(169.349.183.879)	(148.040.699.855)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.124.484.563)	(26.409.508.606)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.288.461.438)	(19.625.126.417)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		25.635.799.369	(9.848.345.817)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.174.452.443	41.022.798.260
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	56.810.251.812	31.174.452.443

Phan Thị Phụng
Người lập biểu

Diệp Tôn Kiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Tùng Nguyên
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

18001552

CÔNG TY

CỔ PHẦN

CẤP THOÁT NƯỚC

CẦN THƠ

MIỀN KIỀU - TP. CẦN THƠ

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Cần Thơ theo Quyết định số 3602/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155244, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 6 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15 tháng 7 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất nước sinh hoạt; Kinh doanh nước sinh hoạt;

Dịch vụ rút hầm tự hoại; Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (hoạt động vệ sinh khai thông cống rãnh và xử lý nước thải);

Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước; Khảo sát địa hình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp thoát nước;

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;

Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 456 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 453 nhân viên).

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1. Tổng số các Công ty con

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02 công ty con.

7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	65,42%	65,42%	65,42%
Địa chỉ: Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.				
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	85,81%	85,81%	85,81%
Địa chỉ: Số 392 Quốc lộ 91, Long Thạnh A, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.				

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.3. Danh sách các công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ	Sản xuất, kinh doanh ống uPVC, phụ kiện HDPE phục vụ ngành cấp thoát nước	30%	30%	30%
Địa chỉ: Đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.				

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

9. Áp dụng cơ sở hoạt động liên tục trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần trong ít nhất 12 tháng tới kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ và các công ty Con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty Con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty Con và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các công ty Con.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính của các công ty Con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty Con và Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty Con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty Con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty Con.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm kế toán với Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất nước, xây lắp...

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

6.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Nhóm Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc 04 - 30 năm

Máy móc, thiết bị 03 - 20 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn 04 - 30 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình 03 - 10 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí thi công công trình, xây dựng, công trình mạng lưới cấp nước, chi phí sửa chữa lớn ...

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (80% đến 90% giá trị đề nghị quyết toán, tùy theo từng công trình) khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định này sẽ được điều chỉnh và ghi nhận đầy đủ theo giá trị quyết toán công trình hoàn thành.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Nhóm Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí thuê đất, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí thủy lượng kế và các chi phí khác, ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí thuê đất xây dựng nhà máy phân bổ theo thời gian thuê đất là 408 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Nhóm Công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Nhóm Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Nhóm Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi năm kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm trích trước lãi vay, trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí thay đồng hồ đến hạn và các khoản chi phí khác đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

13. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ theo Hợp đồng lao động và Quy chế tiền lương của Nhóm Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Nhóm Công ty bao gồm dự phòng tiền lương.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê vị trí đặt biển quảng cáo, cung cấp dịch vụ thi công công trình.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Nhóm Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần và vốn khác

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Vốn khác phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Nhóm Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Nhóm Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng là 20%.

21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

22. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

24. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2024	01/01/2024
Tiền	22.995.885.540	16.446.980.984
Tiền mặt	441.335.309	148.309.409
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.554.550.231	16.298.671.575
Các khoản tương đương tiền	33.814.366.272	14.727.471.459
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (Lãi suất từ 1,5%/năm - 4,3%/năm)	33.814.366.272	14.727.471.459
Cộng	56.810.251.812	31.174.452.443

2. Các khoản đầu tư tài chính: xem thuyết minh trang 41.

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền nước	5.396.438.163	(269.823.167)	3.961.338.217	(177.787.488)
Trung tâm Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật thành phố Thủ Đức	1.058.086.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Nam Quốc	2.104.692.000	-	-	-
Các khách hàng khác	2.869.308.139	(1.369.981.986)	6.049.075.218	(1.365.994.178)
Cộng	11.428.524.302	(1.639.805.153)	10.010.413.435	(1.543.781.666)

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (SAMCO)	3.867.900.000	-	-	-
Công ty TNHH Tối ưu mạng nước	-	-	2.299.820.700	-
Các nhà cung cấp khác	3.045.240.647	(117.900.170)	5.377.893.371	-
Cộng	6.913.140.647	(117.900.170)	7.677.714.071	-
5. Phải thu khác	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	4.842.671.170	-	3.040.726.393	-
Tạm ứng	4.247.333.658	-	2.756.810.809	-
Lãi dự thu	426.377.247	-	108.943.932	-
Các đối tượng khác	168.960.265	-	174.971.652	-
b. Dài hạn	165.071.565	(165.071.565)	165.071.565	(77.166.664)
Các đối tượng khác	165.071.565	(165.071.565)	165.071.565	(77.166.664)
Cộng	5.007.742.735	(165.071.565)	3.205.797.958	(77.166.664)
6. Nợ xấu: xem thuyết minh trang 42.				
7. Hàng tồn kho	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	42.889.046.328	(355.689.435)	41.673.878.134	(6.556.163.213)
Chi phí SX, KD dở dang	9.601.470.772	(648.829.288)	31.357.330.528	(648.829.288)
Cộng	52.490.517.100	(1.004.518.723)	73.031.208.662	(7.204.992.501)

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.
- Giá trị hàng tồn kho (nguyên vật liệu) ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ cuối năm: 3.821.631.573 VND.
- Lý do dẫn đến việc hoàn nhập là một phần hàng tồn kho lâu năm, lạc hậu không sử dụng đã được xử lý.

8. Tài sản cố định hữu hình: xem thuyết minh trang 43.

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	365.665.809	1.226.850.000	1.592.515.809
Số dư cuối năm	365.665.809	1.226.850.000	1.592.515.809
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.226.850.000	1.226.850.000
Số dư cuối năm	-	1.226.850.000	1.226.850.000
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	365.665.809	-	365.665.809
Số dư cuối năm	365.665.809	-	365.665.809

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.				
* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.226.850.000 VND.				
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Mua sắm tài sản cố định	2.581.172.000		2.720.136.686	
Xây dựng cơ bản	39.939.496.564		55.866.731.986	
Các công trình mạng lưới cấp nước	26.738.631.765		40.194.282.662	
Các công trình xây dựng	13.200.864.799		15.672.449.324	
Sửa chữa lớn TSCĐ	1.157.896.549		3.163.079.296	
Cộng	43.678.565.113		61.749.947.968	
11. Chi phí trả trước	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	2.372.723.264		2.034.997.518	
Chi phí công cụ dụng cụ	979.583.402		414.810.463	
Chi phí sửa chữa, lắp đặt và di dời	1.393.139.862		1.620.187.055	
b. Dài hạn	21.111.474.562		9.712.652.053	
Chi phí sửa chữa, lắp đặt và di dời	10.029.635.869		2.532.595.151	
Chi phí bảo hiểm	11.082.589		55.412.953	
Chi phí công cụ dụng cụ	4.506.787.553		1.968.305.337	
Chi phí thuê đất xây dựng nhà máy (*)	3.256.884.087		3.382.061.715	
Chi phí phân bổ đồng hồ thuê bao	1.276.096.333		1.455.511.932	
Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa	1.974.721.966		287.853.532	
Các khoản chi phí khác	56.266.165		30.911.433	
Cộng	23.484.197.826		11.747.649.571	
(*) Đây là chi phí thuê đất trả tiền một lần tại Khu Công nghiệp Trà Nóc đến năm 2046 và tại nhà máy nước huyện Cờ Đỏ đến năm 2071.				
12. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà cung cấp trong nước				
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Minh Nghi	4.848.434.804	4.848.434.804	1.689.312.087	1.689.312.087
Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	3.267.550.000	3.267.550.000	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất & Thương mại Tường Vân	3.443.644.044	3.443.644.044	2.773.605.084	2.773.605.084
Các nhà cung cấp khác	7.174.442.086	7.174.442.086	11.311.757.692	11.311.757.692
Cộng	18.734.070.934	18.734.070.934	15.774.674.863	15.774.674.863

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Các khách hàng khác	396.962.714	612.516.367
Cộng	396.962.714	612.516.367

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	333.975.404	7.392.338.767	7.576.323.514	149.990.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.098.912.092	28.269.609.561	31.509.459.391	3.859.062.262
Thuế thu nhập cá nhân	149.978.527	1.747.676.708	1.634.157.708	263.497.527
Thuế tài nguyên	162.739.080	2.037.135.440	2.034.592.480	165.282.040
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt	1.900.060.145	28.297.838.585	27.922.306.307	2.275.592.423
Phí BVMT rừng	895.027.128	9.150.927.838	9.048.517.354	997.437.612
Các khoản thuế khác	-	158.885.133	158.885.133	-
Cộng	10.540.692.376	77.054.412.032	79.884.241.887	7.710.862.521
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	7.626.075	7.626.075
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	12.905.088	12.905.088
Phí cấp quyền khai thác	530.420.958	530.420.958	-	-
Cộng	530.420.958	530.420.958	20.531.163	20.531.163

Nghĩa vụ của Công ty về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật, các văn bản dưới luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cụ thể của cơ quan thuế.

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ/trực tiếp. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:	Mức thuế suất
- Dịch vụ sản xuất nước	5%
- Dịch vụ thoát nước và các dịch vụ khác.	10%

Trong năm, Công ty được giảm thuế giá trị gia tăng đối với các dịch vụ mà Công ty cung cấp theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP, Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP, Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Trích trước chi phí lãi vay	214.129.091	215.729.478
Trích trước chi phí điện	647.113.144	458.618.194
Chi phí phải trả khác	1.436.207.504	747.139.423
Cộng	2.297.449.739	1.421.487.095

16. Phải trả khác	31/12/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn	2.016.026.309	2.972.397.392
Kinh phí công đoàn	62.842.000	56.679.800
Cổ tức phải trả	896.217.732	914.141.642
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	412.823.927	1.199.701.060
Các khoản phải trả, phải nộp khác	644.142.650	801.874.890
b. Dài hạn	441.866.383	500.866.383
Nhận ký quỹ ký cược	123.300.000	182.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	318.566.383	318.566.383
Cộng	2.457.892.692	3.473.263.775

17. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	74.286.766.161	74.286.766.161	67.602.756.398	67.602.756.398
Vay ngắn hạn	47.975.130.161	47.975.130.161	53.792.152.398	53.792.152.398
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ	47.975.130.161	47.975.130.161	46.811.793.392	46.811.793.392
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Cần Thơ	25.679.011.193	25.679.011.193	28.546.996.442	28.546.996.442
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Cần Thơ	22.296.118.968	22.296.118.968	18.264.796.950	18.264.796.950
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn	-	-	4.963.853.673	4.963.853.673
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Tây Cần Thơ	-	-	3.873.589.353	3.873.589.353
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Tây Đô	-	-	1.090.264.320	1.090.264.320
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	-	-	2.016.505.333	2.016.505.333
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Cần Thơ	-	-	2.016.505.333	2.016.505.333

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	26.311.636.000	26.311.636.000	13.810.604.000	13.810.604.000
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ	21.616.732.000	21.616.732.000	9.559.700.000	9.559.700.000
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Cần Thơ	13.388.732.000	13.388.732.000	9.559.700.000	9.559.700.000
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Cần Thơ	8.228.000.000	8.228.000.000	-	-
+ Tại Công ty CP Cấp Nước Trà Nóc - Ô Môn	1.776.504.000	1.776.504.000	1.776.504.000	-1.776.504.000
(4) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Tây Cần Thơ	1.116.000.000	1.116.000.000	1.116.000.000	1.116.000.000
(5) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Tây Đô	660.504.000	660.504.000	660.504.000	660.504.000
+ Tại Công ty CP Cấp Nước Thốt Nốt	2.918.400.000	2.918.400.000	2.474.400.000	2.474.400.000
(6) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Cần Thơ	444.000.000	444.000.000	-	-
(7) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Tây Cần Thơ	2.474.400.000	2.474.400.000	2.474.400.000	2.474.400.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	95.227.374.108	95.227.374.108	101.075.360.746	101.075.360.746
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ	86.051.948.288	86.051.948.288	89.154.325.484	89.154.325.484
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Cần Thơ	68.365.618.589	68.365.618.589	75.554.230.589	75.554.230.589
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Cần Thơ	17.686.329.699	17.686.329.699	13.600.094.895	13.600.094.895
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn	6.964.425.820	6.964.425.820	8.569.635.262	8.569.635.262
(4) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Tây Cần Thơ	5.688.611.256	5.688.611.256	6.633.316.698	6.633.316.698
(5) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Tây Đô	1.275.814.564	1.275.814.564	1.936.318.564	1.936.318.564

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	2.211.000.000	2.211.000.000	3.351.400.000	3.351.400.000
(6) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Cần Thơ	1.334.000.000	1.334.000.000	-	-
(7) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Tây Cần Thơ	877.000.000	877.000.000	3.351.400.000	3.351.400.000
Cộng	169.514.140.269	169.514.140.269	168.678.117.144	168.678.117.144

Thuyết minh chi tiết các khoản vay như sau:

+ Tại Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Cần Thơ gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
121/DN/HM/2023	24/10/2023 12 tháng	4,80%	25.679.011.193	Nhà cửa, vật kiến trúc và các máy móc thiết bị
05/2018-VCBCT	09/02/2018 60 tháng	7,10%	4.006.000.000	
86/DN/TL/2018	24/8/2018 172 tháng	7,10%	4.444.000.000	Tài sản hình thành trong tương lai
97/DN/TDH/2019	18/6/2019 162 tháng	7,40%	758.200.000	
76/DN/TDH/2018	16/8/2018 120 tháng	7,10%	1.305.000.000	Hệ thống phương tiện vận tải
134/DN/TDH/2018	25/10/2018 120 tháng	7,10%	1.535.000.000	
136/DN/TDH/2018	29/10/2018 120 tháng	7,10%	1.367.429.875	Hệ thống phương tiện vận tải
171/DN/TDH/2018	25/12/2018 120 tháng	7,10%	2.262.785.545	
186/DN/TDH/2019	10/01/2019 120 tháng	7,10%	1.034.182.000	
146/DN/TDH/2019	27/8/2019 120 tháng	7,40%	2.077.853.284	Tài sản hình thành trong tương lai
167/DN/TDH/2019	16/9/2019 120 tháng	7,40%	1.897.816.562	
218/DN/TDH/2019	24/12/2019 120 tháng	7,40%	2.276.129.044	

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
15/DN/TDH/2020	22/01/2020 120 tháng	7,40%	531.854.328	Tài sản hình thành trong tương lai
24/DN/TDH/2020	02/3/2020 60 tháng	7,40%	278.000.000	
51/DN/TDH/2020	31/3/2020 60 tháng	7,40%	187.000.000	
22/DN/TDH/2020	07/4/2020 120 tháng	7,40%	957.000.000	
58/DN/TDH/2020	28/4/2020 120 tháng	7,40%	1.713.385.800	
103/DN/TDH/2020	20/10/2020 120 tháng	6,60%	623.078.220	Hệ thống phương tiện vận tải
92/DN/TDH/2020	09/9/2020 120 tháng	6,60%	2.132.098.191	
117/DN/TDH/2020	25/11/2020 120 tháng	6,60%	608.215.483	
122/DN/TDH/2020	11/12/2020 120 tháng	6,60%	767.454.522	
130/DN/TDH/2020	24/12/2020 120 tháng	6,60%	201.529.841	
133/DN/TDH/2020	30/12/2020 120 tháng	6,60%	349.800.000	Hệ thống phương tiện vận tải
134/DN/TDH/2020	31/12/2020 120 tháng	6,60%	314.492.000	
09/DN/TDH/2021	27/01/2021 120 tháng	6,70%	1.202.499.500	Hệ thống phương tiện vận tải
13/DN/TDH/2021	29/01/2021 120 tháng	6,70%	1.759.292.873	
15/DN/TDH/2021	03/02/2021 120 tháng	6,70%	1.733.018.000	
32/DN/TDH/2021	02/4/2021 120 tháng	6,60%	258.500.000	
44/DN/TDH/2021	28/4/2021 120 tháng	6,60%	896.694.050	
129/DN/TDH/2021	28/12/2021 120 tháng	6,60%	1.192.752.000	Tài sản hình thành trong tương lai
125/DN/TDH/2021	23/12/2021 60 tháng	6,60%	1.147.770.620	Phương tiện vận tải

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
128/DN/TDH/2021	23/12/2021 120 tháng	6,60%	624.945.000	Hệ thống phương tiện vận tải
115/DN/TDH/2021	24/11/2021 120 tháng	6,60%	370.000.000	
114/DN/TDH/2021	17/11/2021 120 tháng	6,60%	983.000.000	
92/DN/TDH/2021	14/10/2021 120 tháng	6,60%	1.136.860.000	
111/DN/TDH/2021	04/11/2021 120 tháng	6,60%	2.340.446.453	
107/DN/TDH/2021	27/10/2021 72 tháng	6,60%	1.175.200.000	Hệ thống phương tiện vận tải
112/DN/TDH/2021	09/11/2021 120 tháng	6,60%	3.050.550.000	
116/DN/TDH/2021	07/12/2021 120 tháng	6,60%	505.324.698	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai
61/DN/TDH/2022	01/6/2022 120 tháng	7,60%	532.000.000	
62/DN/TDH/2022	01/6/2022 120 tháng	7,60%	1.576.472.700	
85/DN/TDH/2022	31/7/2022 120 tháng	7,60%	552.000.000	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai
86/DN/TDH/2022	31/7/2022 120 tháng	7,60%	411.500.000	
87/DN/TDH/2022	31/7/2022 120 tháng	7,60%	215.745.000	
88/DN/TDH/2022	31/7/2022 120 tháng	7,60%	315.600.000	
89/DN/TDH/2022	31/7/2022 120 tháng	7,60%	297.370.000	
133/DN/TDH/2022	06/12/2022 120 tháng	7,60%	845.220.000	Tài sản hình thành trong tương lai
134/DN/TDH/2022	06/12/2022 120 tháng	7,60%	4.059.480.000	
135/DN/TDH/2022	06/12/2022 120 tháng	7,60%	752.020.000	
136/DN/TDH/2022	06/12/2022 120 tháng	7,60%	655.376.000	Tài sản hình thành trong tương lai
29/DN/TDH/2023	07/4/2023 120 tháng	7,60%	742.225.000	

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
135/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,70%	712.575.000	Nhà cửa, vật kiến trúc và các máy móc thiết bị
136/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,60%	1.939.630.000	Các hệ thống tuyến ống cấp nước, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
137/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,60%	3.049.200.000	
138/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,60%	3.029.575.000	Các hệ thống tuyến ống cấp nước, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
139/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,60%	4.007.124.000	
140/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,60%	5.672.880.000	
49/DN/TL/2024	17/6/2024 60 tháng	7,60%	2.383.200.000	Tài sản hình thành trong tương lai

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN. Cần Thơ theo hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
032/2023-HĐCVHM/NHCT820	26/4/2024 12 tháng	4,80%	22.296.118.968	Tín chấp

(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Cần Thơ gồm có hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
001/2022/447218/HĐTD	16/8/2022 84 tháng	7,20%	948.482.607	Tuyến ống cấp nước D280, D63, HDPE - cúp ống cũ - thực hiện chính sách đồng hồ cũ
002/2022/447218/HĐTD	10/10/2022 84 tháng	6,83%	1.355.599.151	Tuyến ống cấp nước D315, D110, D63 HDPE - cúp ống cũ - Thực hiện chính sách đồng hồ cũ
001/2023/447218/HĐTD	02/6/2023 84 tháng	8,70%	3.274.700.000	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai
002/2023/447218/HĐTD	26/6/2023 84 tháng	7,20%	1.981.050.000	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai
003/2023/447218/HĐTD	11/8/2023 84 tháng	7,70%	2.617.179.600	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
004/2023/447218/HĐTD	21/9/2023 84 tháng	7,20%	1.508.683.537	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai
001/2024/447218/HĐTD	21/3/2024 72 tháng	7,60%	3.838.644.991	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai
11/2024/447218/HĐTD	06/11/2024 84 tháng	8,00%	10.389.989.813	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai

+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
13/2023/HĐTL-VCBTCT	12/6/2023 120 tháng	7,60%	3.799.300.358	Hệ thống bể chứa nước sạch dung tích 2.500 m3 nhà máy nước Trà Nóc
31/2020/HĐTL-VCBTCT	29/9/2020 120 tháng	9,20%	3.005.310.898	Hệ thống cấp nước các tuyến ống và máy móc thiết bị

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Tây Đô gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
01/2020 - HĐCVDADT/NHCT824 - CTCP-CAP-NUOC-TRA- NOC-O-MON	30/9/2020 84 tháng	10,10%	1.936.318.564	Hệ thống nâng lượng mặt trời, hệ thống tuyến ống D400 gang, 300 gang, D315HDPE, 200, 168, 144, 60 PVC tại huyện Cờ Đỏ.

+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt

(6) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Cần Thơ theo hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
72/2023- HĐCVDADT/NHCT 820 - CTY CAP NUOC THOT NOT	12/01/2024 60 tháng	7,00%	1.778.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN. Cần Thơ gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
01/2021-HĐTDH- VCBTCT-CTY CP CAP NUOC THOT NOT	21/01/2021 84 tháng	7,60%	1.187.400.000	Tài sản hình thành từ vốn vay.
03/2021/HĐTDH/VCBTC T-CTY CP CAP NUOC THOT NOT	09/6/2021 84 tháng	7,60%	2.164.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống phương tiện vận tải
			31/12/2024	01/01/2024
Dự phòng phải trả ngắn hạn			8.459.812.104	8.238.813.215
Dự phòng tiền lương				
Cộng			8.459.812.104	8.238.813.215

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem thuyết minh trang 44.				
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		Tỷ lệ vốn góp	31/12/2024	01/01/2024
Vốn góp Nhà nước		51,000%	142.800.000.000	142.800.000.000
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương		24,643%	69.000.000.000	69.000.000.000
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một		22,964%	64.299.000.000	
Các đối tượng khác		1,389%	3.890.552.319	68.189.552.319
Cổ phiếu quỹ		0,004%	10.447.681	10.447.681
Cộng		100,000%	280.000.000.000	280.000.000.000
* Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.400 cổ phiếu.				
* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không phát sinh.				
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			Năm 2024	Năm 2023
Vốn góp của chủ sở hữu			280.000.000.000	280.000.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>			280.000.000.000	280.000.000.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>			280.000.000.000	280.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			18.479.076.000	21.306.934.600
d. Cổ phiếu			31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			28.000.000	28.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng			28.000.000	28.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>			28.000.000	28.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại			1.400	1.400
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>			1.400	1.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			27.998.600	27.998.600
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>			27.998.600	27.998.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu			10.000	10.000

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

e. Các quỹ của doanh nghiệp		31/12/2024	01/01/2024
Quỹ đầu tư phát triển		68.032.867.521	57.793.998.357
Cộng		68.032.867.521	57.793.998.357
* Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của doanh nghiệp			
Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.			

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	31/12/2024		01/01/2024	
	Nguyên tệ	Giá trị	Nguyên tệ	Giá trị
Nợ khó đòi đã xử lý	-	165.442.423	-	158.350.723
Cộng	-	165.442.423	-	158.350.723

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu tiêu thụ nước và thoát nước	479.001.831.333	316.537.009.179
Doanh thu lắp đặt, chuyển nhượng vật tư, công trình xây dựng, ...	10.346.935.372	9.667.881.314
Doanh thu khác	6.226.773.691	2.355.177.004
Cộng	495.575.540.396	328.560.067.497
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu thuần về tiêu thụ nước và thoát nước	479.001.831.333	316.537.009.179
Doanh thu thuần về lắp đặt, chuyển nhượng vật tư, công trình xây dựng, ...	10.346.935.372	9.667.881.314
Doanh thu thuần khác	6.226.773.691	2.355.177.004
Cộng	495.575.540.396	328.560.067.497
3. Giá vốn hàng bán	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn tiêu thụ nước và thoát nước	235.579.184.956	174.286.637.426
Giá vốn lắp đặt, chuyển nhượng vật tư, công trình xây dựng, ...	6.210.295.076	6.334.996.986
Giá vốn khác	7.905.564.489	574.249.932
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(5.872.749.271)	1.124.183.865
Cộng	243.822.295.250	182.320.068.209
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi	1.330.659.522	1.020.265.661
Cộng	1.330.659.522	1.020.265.661
5. Chi phí tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	9.457.581.869	12.645.683.529
Cộng	9.457.581.869	12.645.683.529

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2024	Năm 2023
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	21.689.630.639	18.723.540.765
Chi phí vật liệu, đồ dùng	28.837.988.569	18.807.015.142
Cộng	50.527.619.208	37.530.555.907
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	27.738.136.646	23.200.353.001
Chi phí vật liệu quản lý	731.106.872	628.284.278
Chi phí vật liệu văn phòng	1.943.273.766	1.597.026.524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.499.251	368.622.723
Thuế, phí, lệ phí	1.299.735.182	3.393.492.339
Dự phòng phải thu khó đòi	308.920.258	156.325.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	967.666.297	935.918.866
Chi phí bằng tiền khác	23.651.616.436	13.364.815.778
Cộng	56.877.954.708	43.644.838.674
7. Thu nhập khác	Năm 2024	Năm 2023
Nhận bồi thường, hỗ trợ	1.627.256.392	3.447.587.343
Thu tiền điện câu đuôi	1.627.119	4.242.543
Cho thuê vị trí quảng cáo	121.000.000	121.000.000
Thu nhập từ thanh lý vật tư, phế liệu	73.345.833	243.611.537
Các khoản thu nhập khác	981.353.928	1.820.429.847
Cộng	2.804.583.272	5.636.871.270
8. Chi phí khác	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí hỗ trợ công tác	3.823.280.000	2.126.050.000
Chi phí hỗ trợ công tác xã hội	419.896.296	861.600.000
Tiền chậm nộp thuế, các khoản phạt	55.343.304	1.332.282.831
Chi phí thanh lý tài sản cố định	364.921.256	1.215.559.652
Chi phí di dời tuyến ống cấp nước	2.216.839.661	-
Các khoản chi phí khác	528.066.889	319.663.402
Cộng	7.408.347.406	5.855.155.885
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.713.110.650	43.739.813.944
Chi phí nhân công	103.811.289.208	93.402.606.328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.804.491.154	67.319.390.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.549.626.779	21.068.240.737
Chi phí khác bằng tiền	65.101.179.125	38.248.935.831
Cộng	313.979.696.916	263.778.986.978

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	28.269.609.561	11.687.712.915
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.269.609.561	11.687.712.915
11. Lãi cơ bản & lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	88.451.680.255	34.332.767.852
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm (*)	(7.797.774.434)	(3.650.053.851)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	80.653.905.821	30.682.714.001
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.998.600	27.998.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.881	1.096
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	2.881	1.096

(*) Công ty tạm ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác năm 2024 theo phương án phân phối lợi nhuận kế hoạch năm 2024 tại Nghị quyết đại hội cổ đông để tạm tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(**). Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2024.

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ và các khoản tiền gửi ngân hàng) của Nhóm Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản trên) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		
VND	+100	(772.674.788)
	-100	772.674.788
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		
VND	+100	(1.368.450.236)
	-100	1.368.450.236

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Nhóm Công ty không sử dụng bất năm công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Quá hạn bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
>181 ngày	2.075.625.185
Tổng cộng giá trị ghi sổ	2.075.625.185
Dự phòng giảm giá trị	(1.922.776.888)
Giá trị thuần	152.848.297
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
>181 ngày	1.813.639.987
Tổng cộng giá trị ghi sổ	1.813.639.987
Dự phòng giảm giá trị	(1.620.948.330)
Giá trị thuần	192.691.657

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	74.286.766.161	87.427.787.609	7.799.586.499	169.514.140.269
Phải trả người bán	18.734.070.934	-	-	18.734.070.934
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	4.250.634.048	441.866.383	-	4.692.500.431
Cộng	97.271.471.143	87.869.653.992	7.799.586.499	192.940.711.634
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Các khoản vay và nợ	67.602.756.398	33.222.951.019	67.852.409.727	168.678.117.144
Phải trả người bán	15.774.674.863	-	-	15.774.674.863
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.423.063.045	318.566.383	-	3.741.629.428
Cộng	86.800.494.306	33.541.517.402	67.852.409.727	188.194.421.435

Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản cố định hữu hình và tài sản hình thành trong tương lai của Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ, Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn, Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nhóm Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: Xem thuyết minh trang 45.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, nợ phải trả ngắn hạn, vay và nợ ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các tài sản dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính quan trọng nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính phải có thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính
- Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.
3. Giao dịch với các bên liên quan
- Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:
- + Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
- | | | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--------------------|--------------------------|---------------|---------------|
| Hội đồng Quản trị | | 1.405.193.600 | 1.277.130.100 |
| Nguyễn Hữu Lộc | Chủ tịch HĐQT | 913.593.600 | 854.830.100 |
| Nguyễn Tùng Nguyên | Thành viên HĐQT | 139.100.000 | 134.200.000 |
| Nguyễn Văn Thiện | Thành viên HĐQT | 117.500.000 | 91.300.000 |
| Trần Chiến Công | Thành viên HĐQT | 117.500.000 | 91.300.000 |
| Trịnh Hữu Phúc | Thành viên HĐQT | 117.500.000 | 105.500.000 |
| Ban kiểm soát | | 1.338.185.408 | 1.211.459.089 |
| Lâm Nguyệt Thanh | Trưởng ban kiểm soát | 680.745.600 | 642.591.475 |
| Ngô Hồng Hạnh | Thành viên ban kiểm soát | 572.189.808 | 507.267.614 |
| Mai Song Hào | Thành viên ban kiểm soát | 85.250.000 | 61.600.000 |
| Ban Tổng Giám đốc | | 2.433.935.909 | 1.848.303.325 |
| Nguyễn Tùng Nguyên | Tổng Giám đốc | 597.166.000 | 549.240.375 |
| Trịnh Hữu Phúc | Phó Tổng giám đốc | 489.948.709 | 56.390.000 |
| Huỳnh Thiện Đình | Phó Tổng giám đốc | 666.075.600 | 611.401.475 |
| Nguyễn Minh Phương | Phó Tổng giám đốc | 680.745.600 | 631.271.475 |
| Cộng | | 5.177.314.917 | 4.336.892.514 |

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận
- Nhóm Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ nước, đồng thời doanh thu chủ yếu của Nhóm Công ty chỉ phát sinh ở địa bàn Thành phố Cần Thơ, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kình doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.
5. Thông tin so sánh
- Một số chỉ tiêu so sánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại, không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động kinh doanh.
- Liên quan đến việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2023	Chênh lệch
		Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.103	1.096	(7)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.103	1.096	(7)

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.

Phan Thị Phụng

Người lập biểu

Diệp Tôn Kiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Tùng Nguyên

Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

QUÂN KIỀU - TP. CẦN THƠ

1800155244 - C.T.C.P.

V.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a.1. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng (Lãi suất 1,9%/năm - 4,3%/năm)		35.877.744.978	35.877.744.978	806.950.486
		35.877.744.978	35.877.744.978	806.950.486
a.2. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	-	-	-	1.200.000.000
	-	-	-	1.200.000.000
Cộng		35.877.744.978	35.877.744.978	2.006.950.486

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Phần sở hữu (lãi (lỗ))trong công ty liên kết	Giá gốc	Phần sở hữu (lãi (lỗ))trong công ty liên kết
- Đầu tư vào công ty liên kết				
+ Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ (*)	3.000.000.000	(2.116.351.053)	883.648.947	(2.116.351.053)
Cộng	3.000.000.000	(2.116.351.053)	883.648.947	(2.116.351.053)

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800661071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ là 3.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Hiện tại, công ty này đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế. Giá trị thuần đầu tư vào công ty này đang được Công ty thể hiện theo số liệu của Báo cáo tài chính năm 2013 (theo thông báo kết quả kiểm toán số 44/TB-KVV ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V).

(**) Giá trị hợp lý tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 của các khoản đầu tư vào các đơn vị chưa đại chúng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý của từng khoản mục đầu tư. Do vậy, Nhóm Công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty được đầu tư lần lượt theo phương pháp vốn chủ và phương pháp giá gốc trừ dự phòng suy giảm.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V.6. Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.075.625.185	152.848.297	1.813.639.987	192.691.657
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	320.534.195	-	320.534.195	-
		Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm		Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty XD Thuận Thành	360.863.000	-	360.863.000	-
		Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm		Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Các đối tượng khác	1.394.227.990	152.848.297	1.132.242.792	192.691.657
		Khoản phải thu quá hạn từ 1 năm đến trên 3 năm		Khoản phải thu quá hạn từ 1 - 2 năm

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Tài sản cố định hữu hình		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Khoản mục						
Nguyên giá						
Số dư đầu năm		299.561.700.629	160.182.589.038	631.724.063.761	31.527.186.608	1.122.995.540.036
Mua trong năm		-	11.756.394.499	-	550.350.337	12.306.744.836
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		11.042.932.268	3.010.994.988	95.173.601.073	-	109.227.528.329
Thanh lý, nhượng bán		-	-	(1.001.180.770)	-	(1.001.180.770)
Giảm khác		(7.644.665)	-	(2.352.428.081)	-	(2.360.072.746)
Số dư cuối năm		310.596.988.232	174.949.978.525	723.544.055.983	32.077.536.945	1.241.168.559.685
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		196.401.670.585	120.698.113.941	267.710.609.972	8.422.793.670	593.233.188.168
Khấu hao trong năm		16.536.445.854	10.232.475.073	46.254.866.911	780.703.316	73.804.491.154
Thanh lý, nhượng bán		-	-	(688.535.278)	-	(688.535.278)
Giảm khác		-	-	(1.577.933.164)	-	(1.577.933.164)
Số dư cuối năm		212.938.116.439	130.930.589.014	311.699.008.441	9.203.496.986	664.771.210.880
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm		103.160.030.044	39.484.475.097	364.013.453.789	23.104.392.938	529.762.351.868
Số dư cuối năm		97.658.871.793	44.019.389.511	411.845.047.542	22.874.039.959	576.397.348.805

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 316.319.326.976 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 167.271.819.765 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 118.844.752 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: không có.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.19. Vốn chủ sở hữu							
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu							
Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Số dư tại ngày 01/01/2023	280.000.000.000	6.856.205.581	34.856.698.570	(10.447.685)	51.060.677.887	47.321.218.247	61.892.926.335
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	34.332.767.852	7.200.421.457
Trích lập quỹ của DN	-	-	-	-	-	(15.737.193.672)	-
Tài sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	15.737.193.672	(15.737.193.672)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2022	-	-	-	-	(9.003.873.202)	-	-
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	-	-	(4.039.641.958)	(395.390.240)
Tặng/(Giảm) khác	-	-	9.003.873.202	-	-	(21.306.934.600)	(5.277.122.406)
Số dư tại ngày 31/12/2023	280.000.000.000	6.856.205.581	43.860.571.772	(10.447.685)	57.793.998.357	40.570.325.975	110.106
Số dư tại ngày 01/01/2024	280.000.000.000	6.856.205.581	43.860.571.772	(10.447.685)	57.793.998.357	40.570.325.975	63.420.835.146
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	88.451.680.255	63.420.835.146
Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm 2023	-	-	-	-	13.895.785.682	(13.895.785.682)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2023	-	-	-	-	-	(3.650.053.851)	(457.640.277)
Tài sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.656.916.518	-	(3.656.916.518)	-	-
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	-	(18.479.076.000)	(4.627.484.653)
Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	-
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	-	276.000.000	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	280.000.000.000	6.856.205.581	47.517.488.290	(10.447.685)	68.032.867.521	92.997.187.849	73.231.405.150

V.19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	280.000.000.000	6.856.205.581	34.856.698.570	(10.447.685)	51.060.677.887	47.321.218.247	61.892.926.335	481.977.278.935
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	34.332.767.852	7.200.421.457	41.533.189.309
Trích lập quỹ của DN	-	-	-	-	-	(15.737.193.672)	-	-
Tài sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	15.737.193.672	(15.737.193.672)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2022	-	-	-	-	(9.003.873.202)	-	-	-
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	-	-	(4.039.641.958)	(395.390.240)	(4.435.032.198)
Tặng/(Giảm) khác	-	-	9.003.873.202	-	-	(21.306.934.600)	(5.277.122.406)	(26.584.057.006)
Số dư tại ngày 31/12/2023	280.000.000.000	6.856.205.581	43.860.571.772	(10.447.685)	57.793.998.357	40.570.325.975	110.106	492.491.489.146
Số dư tại ngày 01/01/2024	280.000.000.000	6.856.205.581	43.860.571.772	(10.447.685)	57.793.998.357	40.570.325.975	63.420.835.146	492.491.489.146
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	88.451.680.255	14.895.694.933	103.347.375.188
Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm 2023	-	-	-	-	13.895.785.682	(13.895.785.682)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2023	-	-	-	-	-	(3.650.053.851)	(457.640.277)	(4.107.694.128)
Tài sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.656.916.518	-	(3.656.916.518)	-	-	-
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	-	(18.479.076.000)	(4.627.484.653)	(23.106.560.653)
Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	-	276.000.000	-	276.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2024	280.000.000.000	6.856.205.581	47.517.488.290	(10.447.685)	68.032.867.521	92.997.187.849	73.231.405.150	568.900.706.706

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2024		31/12/2023		31/12/2024	31/12/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.877.744.978	-	2.006.950.486	-	35.877.744.978	2.006.950.486
- Phải thu khách hàng	11.428.524.302	(1.639.805.153)	10.010.413.435	(1.543.781.666)	9.788.719.149	8.466.631.769
- Phải thu khác	760.409.077	(165.071.565)	448.987.149	(77.166.664)	595.337.512	371.820.485
- Tiền và các khoản tương đương tiền	56.810.251.812	-	31.174.452.443	-	56.810.251.812	31.174.452.443
TỔNG CỘNG	105.303.307.416	(1.804.876.718)	43.749.747.445	(1.620.948.330)	103.498.430.698	42.128.799.115
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ (*)	169.514.140.269	-	168.678.117.144	-	169.514.140.269	168.678.117.144
- Phải trả người bán	18.734.070.934	-	15.774.674.863	-	18.734.070.934	15.774.674.863
- Chi phí phải trả	2.297.449.739	-	1.421.487.095	-	2.297.449.739	1.421.487.095
- Phải trả khác	2.395.050.692	-	2.320.142.333	-	2.395.050.692	2.320.142.333
TỔNG CỘNG	192.940.711.634	-	188.194.421.435	-	192.940.711.634	188.194.421.435

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 45

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



TP. Cần Thơ, ngày 14 tháng 4 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tùng Nguyễn